

TRUNG TÂM ANH NGỮ VIVIAN



CẨM NANG  
HƯỚNG DẪN LÀM BÀI THI B1

Định dạng sau đại học  
*Phiên bản 5.0*



## TABLE OF CONTENTS

Giới thiệu tài liệu.....	3
Một số thông tin cần biết về chứng chỉ tiếng Anh B1 .....	4
Giới thiệu về website TiengAnhB1.Com .....	6
Đơn vị tổ chức kỳ thi tiếng Anh B1 sau đại học .....	7
Cấu trúc bài thi B1 theo Vstep và cách tính điểm.....	8
Cấu trúc bài thi chứng chỉ B1 (PET) do Cambridge cấp chứng chỉ .....	10
Cấu trúc bài thi B1 và cách tính điểm định dạng sau đại học .....	12
Hướng dẫn làm bài thi Đọc .....	13
Yêu cầu của bài thi Đọc B1 .....	13
Cấu trúc của bài thi Đọc B1 .....	14
Hướng dẫn làm bài thi Đọc phần 1: Từ vựng, ngữ pháp .....	15
Hướng dẫn làm bài thi Đọc phần 3: Đọc hiểu .....	18
Hướng dẫn làm bài thi Đọc phần 4: Điền từ .....	23
Hướng dẫn làm bài thi Viết.....	26
Yêu cầu của bài thi Viết B1 .....	26
Cấu trúc của bài thi Viết B1 .....	26
Hướng dẫn làm bài thi Viết phần 1: Viết lại câu .....	29
Hướng dẫn làm bài thi Viết phần 2: Viết thư tiếng Anh B1 .....	32
Hướng dẫn làm bài thi Nghe B1 .....	51
Yêu cầu của bài thi Nghe B1 .....	51
Cấu trúc của bài thi Nghe B1 .....	51
Phương pháp làm bài thi Nghe hiểu.....	52
Hướng dẫn làm bài thi Nghe phần 1: Nghe tranh hình ảnh đúng .....	53
Hướng dẫn làm bài thi Nghe phần 2: Nghe điền từ .....	54
Hướng dẫn làm bài thi Nói B1 .....	57
Yêu cầu của bài thi Nói B1 .....	57
Cấu trúc bài thi Nói B1 .....	58
Phương pháp làm bài thi Nói .....	58
Hướng dẫn làm bài thi nói phần 1: Phỏng vấn .....	61
Hướng dẫn làm bài thi nói phần 2: Trình bày chủ đề bốc thăm .....	63
Hướng dẫn làm bài thi nói phần 3: Thảo luận .....	65
Phụ lục: Mẫu đề thi tiếng Anh B1 có đáp án định dạng sau đại học .....	66

## **Giới thiệu tài liệu**

Các bạn thân mến,

Chúng tôi nhóm đội ngũ giáo viên TiengAnhB1.Com xin giới thiệu đến các bạn cuốn cẩm nang hướng dẫn luyện thi chứng chỉ tiếng Anh B1 (phiên bản 5.0). Cuốn sách này được chúng tôi đúc kết kinh nghiệm giảng dạy nhiều năm và các thông tư văn bản hướng dẫn về kỳ thi chứng chỉ B1.

Nếu áp dụng đúng những chiến thuật trong cuốn sách này, bạn sẽ không chỉ thành công vượt qua kì thi chứng chỉ ngoại ngữ B1, đạt được các mục đích học tập mà con gặt hái được những kết quả ngoài mong đợi. Chúng tôi sẽ chỉ cho bạn cách luyện tập mỗi bài thi, mỗi phần thi một cách cực kì hiệu quả.

Bạn có thể học và xây dựng nền tảng tiếng Anh vững chắc từ hệ thống của chúng tôi. Và trên hết bạn sẽ tháo gỡ được các vấn đề còn vướng mắc trong kỳ thi B1.

Những ý tưởng, phương pháp làm bài trong tài liệu này sẽ hữu ích với bạn bởi chúng đã được ứng dụng trong các lớp học luyện thi B1 của chúng tôi và được chúng tôi đúc kết trong nhiều năm.

Các giảng viên và ban biên tập của website TiengAnhB1.Com đã tổng hợp nên cuốn sách này từ nhiều nguồn tài liệu khác nhau, thông tư của Bộ GD&ĐT, các tài liệu luyện thi B1 PET quốc tế, các kỳ thi gần đây, và kinh nghiệm thực tế trong giảng dạy.

## **THÔNG TIN LIÊN HỆ LUYỆN THI CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH A2, B1, B2, C1**

**Tư vấn học trực tuyến:**

097 484 2326 hoặc 098 23 20 842

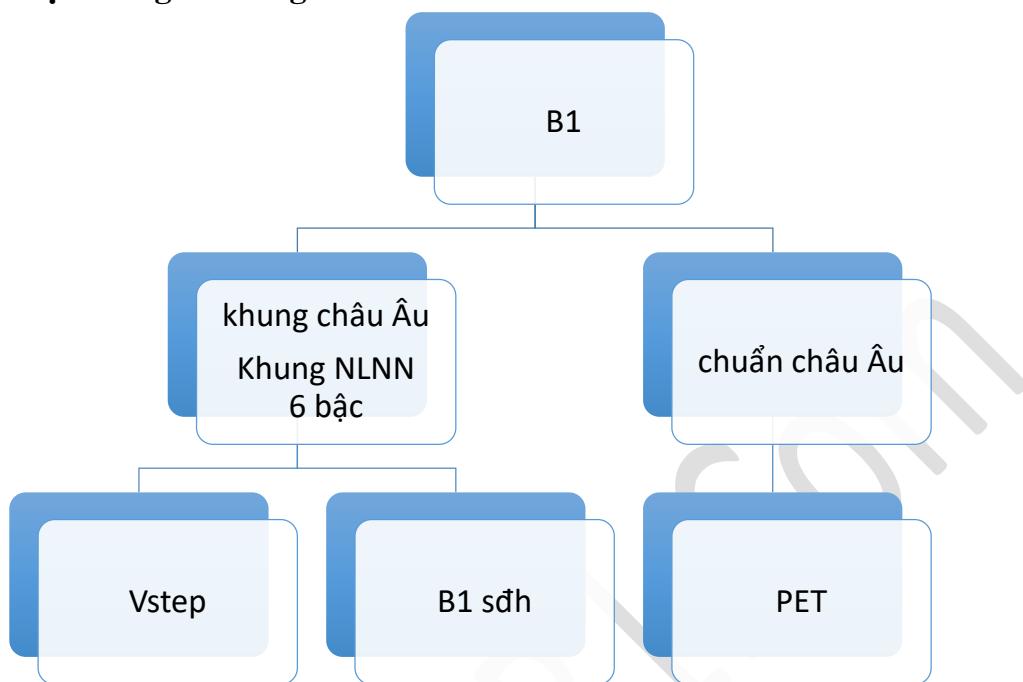
**Tư vấn học trực tiếp tại Hà Nội:**

024 710 696 88 hoặc 097 44 98 347

**Tham gia cộng đồng luyện thi Vstep cùng nhau trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm thi**  
[Cộng đồng luyện thi Vstep \(A2, B1, B2, C1\)](#)

## Một số thông tin cần biết về chứng chỉ tiếng Anh B1

### Có mấy loại chứng chỉ tiếng Anh B1?



- Chứng chỉ tiếng Anh B1 khung châu Âu hoặc khung tham chiếu châu Âu hoặc khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Có 2 dạng thức B1 khác nhau: 1. B1 theo định dạng sau đại học (thang điểm 100), một số trường Đại học cũng áp dụng định dạng này cho sinh viên; 2. B1 theo định dạng Vstep (thang điểm 10). Chứng chỉ do một số trường Đại học trong nước được Bộ Giáo Dục Đào tạo chứng nhận đủ điều kiện khảo thí.
- Chứng chỉ B1 chuẩn châu Âu (chứng chỉ PET do Cambridge cấp) PET là kì thi bậc 3 theo khung tham chiếu chung châu Âu do trường Đại học Cambridge Anh cấp. Tại Việt Nam, Cambridge có nhiều đơn vị khảo thí trên cả nước.

### Ai cần chứng chỉ B1?

- Những ai chuẩn bị thi cao học muốn được miễn thi tiếng Anh đầu vào (thông tư 15 /2014/TT-BGDĐT)
- Những ai chuẩn bị bảo vệ luận án, luận văn thạc sĩ (thông tư 15 /2014/TT-BGDĐT)
- Sinh viên không chuyên Tiếng Anh cần B1 tiếng Anh để được xét tốt nghiệp Đại học và Cao đẳng
- Học sinh cấp 3 thi B1 để được miễn kì thi tiếng Anh tốt nghiệp
- Một số ngành nghề yêu cầu có B1 mới được thi tuyển công chức
- Học sinh, sinh viên đi du học hoặc xin định cư ở nước ngoài

## Vậy tôi nên thi chứng chỉ B1 nào: Vstep hay B1 sđh hay PET?

Hãy cân nhắc một số nguyên tắc khi chọn

- Chỉ nên cân nhắc thi PET vì mục đích đi du học, định cư ở nước ngoài hoặc do tỉnh thành phố của mình ví dụ Thái Nguyên yêu cầu bắt buộc phải có chứng chỉ B1 châu Âu do Cambridge cấp. Lý do là vì bài thi PET là bài thi theo chuẩn quốc tế vừa dài lại vừa rất khó.
- Tùy vào đơn vị thi mà lựa chọn định dạng. Hầu hết các đơn vị hiện tại tổ chức thi B1 theo định dạng Vstep. Nếu không biết trường mình tổ chức thi theo định dạng nào, bạn có thể cẩn cứ vào định dạng 3 bài thi nêu ở phía dưới hoặc cách đơn giản hơn là xem thang điểm. Ví dụ, B1 theo định dạng Vstep tính trên thang điểm 10 và đạt chứng chỉ B1 nếu được 4.0/10. B1 sau đại học hoặc áp dụng cho sinh viên tính trên thang điểm 100, đạt B1 nếu đạt được 50/100 và không bài thi nào làm dưới 30%.
- Nếu bạn là thí sinh tự do và trường tổ chức cả 2 định dạng bài thi trên thì cân nhắc dựa trên một số ưu nhược điểm sau.

Dạng thức	Ưu điểm	Nhược điểm
B1 Vstep	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không tính điểm liệt kỹ năng</li> <li>- Nghe và Đọc trắc nghiệm hoàn toàn</li> <li>- Không có bài kiểm tra ngữ pháp</li> <li>- Điểm đạt B1 khá thấp: 3.75 làm tròn thành 4.0/10 đạt chứng chỉ</li> <li>- Nếu đạt điểm cao hơn sẽ được cấp chứng chỉ cao hơn. Ví dụ: 6.0/10 đạt B2, 8.5/10 đạt C1</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ năng Viết có viết thư 120 từ và viết luận 250 từ</li> <li>- Mức độ bài thi khó hơn B1 sđh</li> </ul>
B1 sau đại học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức độ bài thi dễ hơn</li> <li>- Là điểm cộng với những ai chắc ngữ pháp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Rất dễ bị liệt kỹ năng Nghe và Nói. Kỹ năng Nghe có 10 câu nghe điền từ vào chỗ trống mà nhiều người thậm chí nghe được cũng không biết cách viết đúng chính tả.</li> </ul>

### Trình độ B1 tương đương với những chứng chỉ quốc tế nào?

Khung năng lực ngoại ngữ VN	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS	CEFR
Cấp độ 3	4.5	450 ITP 133 CBT 45 iBT	450	PET	Preliminary	40	B1

Thông tư số: 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

### Giới thiệu về website TiengAnhB1.Com

Trên cơ sở nghiên cứu kỹ lưỡng về kỳ thi chứng chỉ tiếng Anh theo khung năng lực Ngoại Ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương khung tham chiếu châu Âu) bao gồm thông tin của Bộ GD&ĐT về yêu cầu, cấu trúc của bài thi B1, phân tích các bài thi chứng chỉ B1 gần đây của các trường được Bộ GD&ĐT cấp phép (*Đại học Quốc Gia Hà Nội, Đại học Hà Nội, Đại học Đà Nẵng, Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Thái Nguyên...*) và trên hết là những kinh nghiệm giảng dạy thực tế, chúng tôi đã xây dựng website TiengAnhB1.Com nhằm chia sẻ kiến thức và phương pháp ôn tập hiệu quả nhất cho kỳ thi chứng chỉ B1, A1, A2, B2, C1, C2. Ngoài ra, chúng tôi cũng liên tục cập nhật các tài liệu luyện thi B1 và cải tiến chương trình luyện thi B1 dựa trên những phản hồi của học viên và giáo viên.

Hiện tại ngoài các lớp học offline với giảng viên trường Đại học chuyên Ngữ tại Hà Nội, TiengAnhB1 đã xây dựng hoàn chỉnh chương trình luyện thi B1 trực tuyến trong mục Chứng chỉ B1 và một số phần luyện thi trực tuyến cho trình độ A2 và B2 với số lượng học viên học trực tuyến trên cả nước lên tới gần 10000 người. Tham khảo chương trình học trực tuyến [chứng chỉ B1 online](#).

Chương trình luyện thi B1 trực tuyến được chia thành các bài luyện thi cho từng phần nhỏ theo định dạng bài thi B1 của Bộ GD&ĐT. Các phần thi này được sắp xếp như sau:

a2b1b2c1.tienganhb1.com/MenuHoc/3

The screenshot shows the website's navigation bar at the top with links for Home, Học Online (highlighted in orange), Video, Từ điển, Lịch thi, and Tài khoản. Below the bar, there are three main categories: A2 (green), B1, B2 C1 theo VSTEP (blue), and B1, B2 SDH (green). Under each of these main categories, there are sub-links: KỸ NĂNG ĐỌC, KỸ NĂNG VIẾT, KỸ NĂNG NÓI under A2; KỸ NĂNG NGHE, NGHE PET QUỐC TẾ, TÀI LIỆU BỔ TRỢ B2 ncs under B1, B2 C1 theo VSTEP; and B1, B2 SDH under B1, B2 SDH.

Phần đọc và nghe, dạng thức chủ yếu là trắc nghiệm, học viên có thể làm bài tập trực tiếp trên website và kiểm tra đáp án sau khi hoàn thành bài tập. Một số phần thi có kèm

theo hướng dẫn trả lời giúp giải thích tại sao chọn đáp án đó. Phần nghe, chúng tôi cũng cung cấp phụ đề tiếng Anh để học viên tiện theo dõi.

Trong phần Viết, chúng tôi cung cấp các mẫu câu thường gặp trong bài thi B1, ví dụ và bài tập có đáp án cho phần viết lại câu. Phần viết thư, chúng tôi đăng tải các bài viết mẫu có lời dịch.

Trong phần Nói, chúng tôi tập hợp các câu hỏi trong bộ đề thi Nói B1 theo 14 chủ đề Nói tiếng Anh B1 theo thông tư của Bộ GD&ĐT quy định, đồng thời cung cấp gợi ý trả lời hoàn chỉnh. Với phần bốc thăm theo chủ đề, chúng tôi cũng đã cung cấp các bài nói hoàn chỉnh có kèm theo audio bài nói mẫu và bản dịch tiếng Việt.

### Đơn vị tổ chức kỳ thi tiếng Anh B1 sau đại học

Tính đến tháng 08 năm 2019, hiện có 8 đơn vị được Bộ GD&ĐT cấp phép tổ chức khảo thí tiếng Anh theo khung năng lực Ngoại Ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam. Trong đó, 4 trường đầu tiên được cấp phép lại từ cuối năm 2018 và 4 trường sau trong danh sách được cấp phép tổ chức thi vào ngày 14 tháng 05 năm 2019

Hiện tại còn rất ít trường tổ chức thi theo dạng thức này. Trường ĐHNN-ĐHQGHN tổ chức kỳ thi B1 định dạng sau đại học dành riêng cho học viên cao học của Đại học Quốc Gia Hà Nội. ĐH Hà Nội có đợt thi B1 sau đại học nhưng không thường xuyên.

1. Đại học Ngoại Ngữ Quốc Gia Hà Nội

2. Đại học Huế

3. Đại học Đà Nẵng

4. Đại học Sư phạm TpHCM

5. Đại học Cần Thơ

6. Đại học Hà Nội

7. Đại học Thái Nguyên

8. Đại học Sư phạm Hà Nội

Để xem lịch thi chứng chỉ tiếng Anh A2, B1, B2, C1 cập nhật nhất của tất cả các đơn vị này, vui lòng xem tại link: <http://vstep.edu.vn/lich-thi-tieng-anh-a2-b1-b2>

Hoặc <http://a2b1b2c1.tienganhb1.com/LichThi>

### Cấu trúc bài thi B1 theo Vstep và cách tính điểm

Kỹ năng thi	Mục đích	Thời gian	Số câu hỏi/nhiệm vụ bài thi	Dạng câu hỏi/nhiệm vụ bài thi
 Nghe	Kiểm tra các tiêu kĩ năng Nghe khác nhau, có độ khó từ bậc 3 đến bậc 5: nghe thông tin chi tiết, nghe hiểu thông tin chính, nghe hiểu ý kiến, mục đích của người nói và suy ra từ thông tin trong bài.	Khoảng <b>40 phút</b> , bao gồm thời gian chuyên các phương án đã chọn sang phiếu trả lời.	3 phần, <b>35 câu</b> hỏi nhiều lựa chọn	Thí sinh nghe các đoạn trao đổi ngắn, hướng dẫn, thông báo, các đoạn hội thoại và các bài nói chuyện, bài giảng, sau đó trả lời câu hỏi nhiều lựa chọn đã in sẵn trong đề thi.
 Đọc	Kiểm tra các tiêu kĩ năng Đọc khác nhau, có độ khó từ bậc 3 đến bậc 5: đọc hiểu thông tin chi tiết, đọc hiểu ý chính, đọc hiểu ý kiến, thái độ của tác giả, suy ra từ thông tin trong bài và đoán nghĩa của từ trong văn cảnh.	60 phút, bao gồm thời gian chuyên các phương án đã chọn sang phiếu trả lời.	4 bài đọc, 40 câu hỏi nhiều lựa chọn	Thí sinh đọc 4 văn bản về các vấn đề khác nhau, độ khó của văn bản tương đương bậc 3-5 với tổng số từ dao động từ 1900-2050 từ. Thí sinh trả lời các câu hỏi nhiều lựa chọn sau mỗi bài đọc.
 Viết	Kiểm tra kĩ năng Viết tương tác và Viết luận (viết sản sinh).	60 phút	2 bài viết	Bài 1: Viết một bức thư/ thư điện tử có độ dài khoảng 120 từ. Bài 1 chiếm 1/3 tổng số điểm của bài thi Viết. Bài 2: Thí sinh viết một bài luận khoảng 250 từ về một chủ đề cho sẵn, sử dụng lí do và ví dụ cụ thể để minh họa cho các lập luận. Bài 2 chiếm 2/3 tổng số điểm của bài thi Viết.

<b>Nói</b> 	Kiểm tra các kỹ năng Nói khác nhau: tương tác, thảo luận và trình bày một vấn đề.	12 phút	3 phần	<p><b>Phần 1: Tương tác xã hội</b>          Thí sinh trả lời 3-6 câu hỏi về 2 chủ đề khác nhau.</p> <p><b>Phần 2: Thảo luận giải pháp</b>          Thí sinh được cung cấp một tình huống và 3 giải pháp để xuất. Thí sinh phải đưa ra ý kiến về giải pháp tốt nhất trong 3 giải pháp được đưa ra và phản biện các giải pháp còn lại.</p> <p><b>Phần 3: Phát triển chủ đề</b>          Thí sinh nói về một chủ đề cho sẵn, có thể sử dụng các ý được cung cấp sẵn hoặc tự phát triển ý của riêng mình. Phần 3 kết thúc với một số câu hỏi thảo luận về chủ đề trên.</p>
----------------	---	---------	--------	--

#### Cách tính điểm

- Mỗi kỹ năng thi: Nghe, Đọc, Viết và Nói được đánh giá trên thang điểm từ 0 đến 10, làm tròn đến 0,5 điểm.

- Điểm trung bình của 4 kỹ năng, làm tròn đến 0,5 điểm, được sử dụng để xác định bậc năng lực sử dụng tiếng Anh.

B1: 4.0 – 5.5

B2: 6.0 - 8.0

C1: 8.5 - 10

## Cấu trúc bài thi chứng chỉ B1 (PET) do Cambridge cấp chứng chỉ

### PHẦN 1: ĐỌC VIẾT

Phần	Số câu hỏi	Định dạng
Đọc phần 1	5	Cho 5 biển báo, thông báo, tin nhắn... và 3 lựa chọn trả lời. Thí sinh chọn một đáp án đúng.
Đọc phần 2	5	Cho 5 bài miêu tả về một người/nhóm người và 5 đoạn văn ngắn. Nối phần miêu tả với đoạn văn thích hợp.
Đọc phần 3	10	Cho 10 câu và một bài văn. Dựa vào thông tin của bài văn, quyết định xem câu văn đã cho đúng hay sai.
Đọc phần 4	5	Cho một bài văn và 5 câu đọc hiểu trắc nghiệm gồm 4 lựa chọn A, B, C, D. Chọn đáp án đúng nhất.
Đọc phần 5	10	Cho một đoạn văn có 10 chỗ trống. Mỗi chỗ trống tương ứng với 4 lựa chọn. Chọn đáp án đúng nhất.
Viết phần 1	5	Điền từ 1 đến 3 từ vào câu viết lại sao cho giữ nguyên nghĩa với câu đã cho.
Viết phần 2	1	Viết một đoạn tin nhắn (35-45 từ) bao gồm 3 mẩu thông tin
Viết phần 3	1	Viết một bức thư hoặc một câu chuyện khoảng 100 từ

### PHẦN 2: NGHE

Phần	Số câu hỏi	Dạng bài
Nghe phần 1	7	Mỗi câu hỏi tương ứng với 3 bức tranh. Nghe và chọn bức tranh đúng.
Nghe phần 2	6	Nghe một đoạn độc thoại hoặc một bài phỏng vấn và chọn đáp án đúng nhất trong 3 lựa chọn A, B, C

Nghe phần 3	6	Nghe điền từ vào chỗ trống
Nghe phần 4	6	Nghe một đoạn hội thoại và quyết định xem câu đưa ra đúng hay sai.

### PHẦN 3: NÓI

Phần	Số câu hỏi	Dạng bài
Nói phần 1	2-3 phút	Giám khảo phỏng vấn thí sinh các câu hỏi liên quan đến thông tin cá nhân
Nói phần 2	2-3 phút	Hai thí sinh được đưa một số bức tranh về một tình huống nhất định. Từng thí sinh sẽ thảo luận với thí sinh còn lại về bức tranh của mình.
Nói phần 3	3 phút	Thí sinh được xem một bức tranh in màu và thí sinh miêu tả bức tranh đó trong vòng 1 phút.
Nói phần 4	3 phút	Hai thí sinh thảo luận với nhau về một chủ đề liên quan đến bức tranh ở phần 3.

Trích: <http://tienganhb1.com/so-sánh-b1-và-pet.aspx>

Nếu có vấn đề không hiểu về định dạng bài thi và cách thức tính điểm bạn có thể đặt câu hỏi cho chúng tôi tại  
<https://www.facebook.com/TiengAnhB12>

## Cấu trúc bài thi B1 và cách tính điểm định dạng sau đại học

### Bài thi: Đọc – viết (60 điểm/ 90 phút)

#### Phần thi: Đọc (30 điểm)

- Phần 1: Trắc nghiệm ngữ pháp và từ vựng (10đ)
- Phần 2: Đọc thông báo, quảng cáo, biển báo ngắn (5đ)
- Phần 3: Đọc hiểu (5đ)
- Phần 4: Đọc điền từ (10đ)

#### Phần thi: Viết (30 điểm)

- Phần 1: Viết lại câu (10đ)
- Phần 2: Viết thư (20đ)

### Bài thi: Nghe (20 điểm)

- Phần 1: Nghe tranh, hình ảnh đúng (10đ)
- Phần 2: Nghe điền vào chỗ trống (10đ)

### Bài thi: Nói (20 điểm)

- Phần 1: Phỏng vấn
- Phần 2: Trình bày chủ đề bốc thăm
- Phần 3: Thảo luận

Để thi Đạt bạn cần 50 điểm/100 và mỗi bài thi không dưới 30%.

Phía trên là cấu trúc bài thi chung do Bộ GD&ĐT quy định. Tuy nhiên, mỗi đơn vị tổ chức thiết kế đề thi có chút khác biệt.

#### 1. Đại học Hà Nội

Hoàn toàn trùng khớp khung đề trên.

#### 2. Đại học Ngoại Ngữ Quốc Gia

Trong kì thi tiếng Anh B1 chuẩn đầu ra cho thạc sĩ, phần nghe số 1 thường kết hợp giữa 1 câu nghe tranh và 4 câu nghe trắc nghiệm chọn ABC.

VD: What luggage is the man taking on holiday?

A two suitcases and a bag

B two suitcases

C one suitcase and a bag

Bài viết phần số 2 có thể thay Viết thư bằng Viết một câu chuyện

## Hướng dẫn làm bài thi Đọc

### Yêu cầu của bài thi Đọc B1

Theo thông tư của Bộ, Học Viên cần nắm vững yêu cầu của đề bài để tìm ra phương pháp ôn luyện đúng mục tiêu.

**Thông tư 05 /2012/TT- BGD&ĐT ngày 15 tháng 2 năm 2012 của Bộ GD&ĐT** có quy định về nội dung ra đề thi nói B1 gồm những phần sau:

- Học viên có thể đọc và nắm ý chính, hiểu các từ chủ yếu và chi tiết quan trọng trong một bài văn xuôi đơn giản (ba đến năm đoạn) hoặc bài đọc không theo hình thức văn xuôi trong ngữ cảnh sử dụng ngôn ngữ có yêu cầu khá cao.
- Có thể tìm hai hoặc ba chi tiết cụ thể trong các bài đọc dạng văn xuôi, bảng, biểu và lịch trình dùng cho mục đích phân tích, so sánh.
- Có thể hiểu tin nhắn, thư, lịch trình, hành trình được đánh máy hoặc viết tay rõ ràng.
- Có thể lấy thông tin về các chủ điểm quen thuộc từ các bài đọc có bố cục rõ ràng, gắn gũi với kiến thức nền và trải nghiệm bản thân.
- Có thể thường xuyên dùng từ điển đơn ngữ dạng đơn giản, thiết kế cho người học như ngôn ngữ thứ hai hoặc ngoại ngữ.
- Ngôn ngữ của bài đọc chủ yếu là cụ thể và sát với thực tế, với một số mục từ trừu tượng, chừa đựng các khái niệm chuyên môn và có thể đòi hỏi kỹ năng suy luận ở mức độ thấp để hiểu (ví dụ người học có thể đoán một vài từ mới bằng cách nhận ra tiền tố và hậu tố).

## Cấu trúc của bài thi Đọc B1

Trong phần này các bạn cần đọc để nắm rõ được cách thức tính điểm của mỗi phần

**Đọc:** 4 phần /30 câu hỏi (30 điểm)

- **Phần 1:** 10 câu hỏi (10 điểm). Đọc 10 câu độc lập mỗi câu có một từ bỏ trống, chọn 1 từ đúng trong 4 từ cho sẵn (dạng trắc nghiệm ABCD) để điền vào chỗ trống. Các chỗ trống này cho phép kiểm tra kiến thức ngữ pháp, từ vựng, ngữ nghĩa và kiến thức văn hóa, xã hội.

- **Phần 2:** 5 câu hỏi (5 điểm). Có thể lựa chọn một trong hai hình thức bài tập sau: 1) đọc 5 biển quảng cáo, bảng báo hiệu thường gặp trong đời sống hàng ngày (dạng hình ảnh không có chữ hoặc có ít chữ) hoặc thông báo ngắn, sau đó chọn một câu trả lời đúng trong 4 câu cho sẵn (dạng trắc nghiệm ABCD); 2) đọc 5 đoạn mô tả ngắn, mỗi đoạn khoảng 3 câu, sau đó chọn các bức tranh tương ứng với đoạn mô tả (5 bức tranh), có nội dung liên quan đến đời sống hàng ngày.

- **Phần 3:** 5 câu hỏi (5 điểm). Đọc một bài khoảng 200 – 250 từ, chọn các câu trả lời Đúng hoặc Sai hoặc lựa chọn câu trả lời đúng trong 4 khả năng A, B, C, D. Bài đọc có thể lấy từ báo, tạp chí dễ hiểu, dạng phổ biến kiến thức, thường thấy trong đời sống hàng ngày.

- **Phần 4:** 10 câu hỏi (10 điểm). Làm bài đọc điền từ (*Cloze test*), dạng bỏ từ thứ 7 trong văn bản. Lưu ý: chỉ bỏ ô trống bắt đầu từ câu thứ 3, câu thứ 1 và thứ 2 giữ nguyên để thí sinh làm quen với ngữ cảnh. Bài đọc này dài khoảng 150 từ trong đó có 10 từ bỏ trống. Chọn trong số 15 từ cho sẵn các từ phù hợp để điền vào chỗ trống.

**Yêu cầu chung:** 1) Bài đọc viết theo ngôn ngữ đơn giản, có bố cục rõ ràng; 2) Chủ đề quen thuộc, liên quan tới đời sống thường ngày (có thể lấy từ báo, tạp chí, tài liệu giáo dục, truyện, các mục trong bách khoa toàn thư...); 3) Lượng từ mới không vượt quá 10% của trình độ B1.



### Hướng dẫn làm bài thi Đọc phần 1: Từ vựng, ngữ pháp

Đọc 10 câu đọc lập mỗi câu có một từ bỏ trống, chọn 1 từ đúng trong 4 từ cho sẵn (dạng trắc nghiệm ABCD) để điền vào chỗ trống. Các chỗ trống này kiểm tra kiến thức ngữ pháp, loại từ, ngữ nghĩa.

#### Phương pháp làm bài:

- \* Trước hết hãy đọc các phương án trả lời. Ví dụ:
  - Phương án lựa chọn là các dạng thức của một động từ: Đây là câu hỏi kiểm tra dạng động từ. Do vậy, cần đọc câu hỏi để tìm dạng thức cần thiết: thời, chủ động/bị động, động từ nguyên thể, động tính từ,... từ đó lựa chọn phương án đúng (VD)
  - Phương án lựa chọn là các động từ khác nhau: Xét các kết hợp của động từ đó (đứng sau cấu trúc nào, hoặc thường kết hợp với loại từ nào, giới từ nào,... Sau cùng hãy xét đến nghĩa từ. (VD)
  - Phương án lựa chọn là các loại từ khác nhau của cùng một gốc từ: Đọc câu hỏi để xem từ cần điền thuộc loại từ nào. Để làm loại bài này cần gi nhớ vị trí của loại từ trong câu. (VD)
  - Phương án lựa chọn là các liên từ: Xem các liên từ này dùng để liên kết loại từ, cụm từ hay mệnh đề. Xác định tính chất liên kết và chọn từ phù hợp. Loại bài này yêu cầu nắm chắc các cấu trúc câu, cấu trúc song song, cấu trúc đối lập,... (VD)
- \* Hãy nhớ rằng các phương án trả lời cũng có nguyên tắc của nó. Hầu như không bao giờ người ta kiểm tra 2 kiến thức trong cùng một câu hỏi. Do vậy, việc định hướng đúng mục đích câu hỏi sẽ cho ra câu trả lời đúng.
- \* Đọc mọi lựa chọn. Đừng bao giờ chọn câu trả lời trước khi đọc hết cả bốn lựa chọn. Một vài lựa chọn có thể rất giống nhau, và bạn có thể mắc lỗi do bất cẩn.
- \* Đọc lại toàn bộ câu với phần trả lời bạn đã chọn để chắc chắn câu trả lời của bạn là phù hợp. Hãy nhớ trực giác của bạn nếu cần.
- \* Cẩn thận với những điểm sau khi bạn đưa trả lời của mình vào câu:
  - Trả lời của bạn có thể có từ ngữ không cần thiết.
  - Nó có thể không hoàn chỉnh.
  - Nó có thể sai ngữ pháp. Nếu đúng vậy, hãy bỏ trả lời đó và xem xét lại 3 lựa chọn kia.
- \* Tiết kiệm thời gian. Đừng tốn quá nhiều thời gian vào một câu để không đủ thời gian làm những phần còn lại. Tốt nhất hãy phân chia thời gian cho cân đối.

← → ⌛ Not secure | a2b1b2c1.tienganhb1.com/radio/R1

Home Học Online Video Từ điển Lịch thi Tài khoản

Bài luyện: TỪ VỰNG NGỮ PHÁP

R1 – Test 01

Choose the best answer to complete the sentence.

Chọn phương án đúng để hoàn thành câu

Thời gian còn lại: 14 phút, 34 giây Xem kết quả

1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23

1. Tom doesn't like dancing, but Mike.....  
 A. does  
 B. did  
 C. do  
 D. doesn't

2. Listen! Somebody.....for help.  
 A. are screaming  
 B. scream  
 C. is screaming  
 D. has screamed

3. Waiter! There.....forks on this table.  
 A. are not some  
 B. isn't any  
 C. are not any  
 D. are some

4. I have a test tomorrow, so I.....sit up late tonight to study.  
 A. will have to  
 B. can have to  
 C. have  
 D. have to

← → ⌛ Not secure | a2b1b2c1.tienganhb1.com/radio/R1

Home Học Online Video Từ điển Lịch thi Tài khoản

Xem kết quả

Bạn đã làm đúng: 2/10  
Bạn đạt 20% và đạt trình độ.  
Không xét vì dưới 40%, bạn hãy cố gắng luyện và làm thật tập trung nhé. Hãy xem phần hướng dẫn lý do tại sao bạn làm sai và làm lại cho tôi khi đạt được kết quả như mong đợi

Để hiểu rõ hơn về cách giải đáp, bạn có thể click vào đây.

but Mike.....  
 A. but  
 B. scream  
 C. is screaming  
 D. has screamed

ĐÓNG. Bạn làm rất tốt. Hãy xem phần giải thích đáp án để hiểu rõ hơn nhé.

3. Waiter! There.....forks on this table.  
 A. are not some  
 B. isn't any  
 C. are not any  
 D. are some

Sai. Bạn cần cố gắng thêm chút nhé. Hãy click vào đây để xem thêm phần giải thích của chúng tôi và làm lại câu này cho tôi khi bạn hiểu kỹ cách làm

Xem kết quả và phần giải thích đáp án.

Link luyện tập các bài Đọc trắc nghiệm từ vựng ngữ pháp:

<http://a2b1b2c1.tienganhb1.com/radio/R1>

## Hướng dẫn làm bài thi Đọc phần 2: Biển báo, thông báo

- Đọc kỹ và hiểu nội dung biển quảng cáo, bảng báo hiệu hoặc thông báo ngắn rồi sau đó đọc tất cả các sự lựa chọn trả lời A, B, C hoặc D. Lựa chọn 1 đáp án đúng duy nhất. Nếu không chọn được hãy dùng chiến lược đoán bằng cách chọn 1 đáp án bằng 1 chữ cái duy nhất A hoặc B hoặc C hoặc D cho tất cả các đáp án không biết.
- Nếu đây là những trả lời dài, đầu tiên hãy đọc câu. Phân tích cấu trúc của nó. Tìm ra xem có bao nhiêu mệnh đề. Xem những mệnh đề này đã có đủ chủ từ và động từ chưa. Tìm những thành phần nối các mệnh đề. Rồi xem lại 4 lựa chọn trả lời. Nếu vẫn không biết câu trả lời, hãy loại trừ càng nhiều yếu tố gây rối trí càng tốt và đoán từ những lựa chọn còn lại.
- Để được ôn luyện một cách kỹ càng bạn nên xem phần câu trả lời của chúng tôi mỗi khi kết thúc một bài
- Đọc mọi lựa chọn. Đừng bao giờ chọn câu trả lời trước khi đọc hết cả bốn lựa chọn. Một vài lựa chọn có thể rất giống nhau, và bạn có thể mắc lỗi do bất cẩn.
- Đọc lại toàn bộ câu với phần trả lời bạn đã chọn. Phải chắc chắn rằng câu trả lời của bạn là phù hợp. Nếu câu đọc lên nghe có vẻ không đúng thì có thể quả thật là nó không đúng. Nếu bạn không biết, hãy đoán và tiếp tục làm bài.
- Cẩn thận với những điểm sau khi bạn đưa trả lời của mình vào câu văn:
  - ✓ Trả lời của bạn có thể có từ ngữ không cần thiết.
  - ✓ Nó có thể không hoàn chỉnh.
  - ✓ Nó có thể sai ngữ pháp. Nếu đúng vậy, hãy bỏ trả lời đó và xem xét lại 3 lựa chọn kia.
  - ✓ Dùng thời gian của mình một cách cẩn thận. Đừng tốn quá nhiều thời gian đến nỗi không có đủ thời gian để làm những phần còn lại. Phân chia thời gian thật kỹ lưỡng.



Website tổng hợp rất nhiều tài liệu từ các kỳ thi B1, các tài liệu ôn thi B1, và liên tục cập nhật thông tin. Mỗi Test của R2 gồm 5 câu hỏi.

← → ⌛ Not secure | a2b1b2c1.tienganhb1.com/radio/R2

Bài luyện: ĐỌC BIỂN QUẢNG CÁO

R2 – Test 01

Choose the best interpretation for each sign/ picture

Chọn câu diễn giải cho mỗi bức tranh sau

Thời gian còn lại: 7 phút, 23 giây Xem kết quả

1.



Children under **five** must have an adult with them on this ride

• Children less than five years old cannot go on this ride alone.  
• Children in groups of five or more must have an adult with them  
• Adults are not allowed on this ride.

Link luyện Đọc Biển báo thông báo:

<http://a2b1b2c1.tienganhb1.com/radio/R2>

Hướng dẫn làm bài thi Đọc phần 3: Đọc hiểu

Đọc một đoạn văn chọn các câu trả lời Đúng hoặc Sai hoặc lựa chọn câu trả lời đúng trong 4 khả năng A, B, C, D. Bài đọc có thể lấy từ báo, tạp chí dễ hiểu, dạng phỏ biến kiến thức, thường thấy trong đời sống hàng ngày.

## Đọc lướt

- Sử dụng kỹ năng skimming
- Tìm ý chính và cấu trúc của bài đọc
- Đoán từ vựng trong ngữ cảnh

## Xác định

- Đọc câu hỏi và gạch chân từ khóa
- Xác định câu hỏi ý chính hay thông tin chi tiết.
- Định vị từ/ cụm từ trong câu hỏi xem ở đoạn nào của văn bản.

## Lựa chọn

- Đọc đoạn văn bản có chứa thông tin trong câu hỏi.
- Đọc tất cả các lựa chọn trả lời và chọn.
- Nếu không biết, hãy đoán và tiếp tục làm bài

## Lưu ý

- Khi quyết định thông tin đó đúng hay sai phải hoàn toàn dựa trên cơ sở bài đọc.
- Chú ý một số những từ cực đoan (all, every...)
- Loại bỏ các đáp án gây nhiễu.

\* **Bước 1:** Đọc lướt tìm ý chính và cấu trúc của bài đọc.

Sử dụng kỹ năng skimming – đọc thật nhanh tiêu đề, đoạn giới thiệu, các câu đầu của các đoạn văn để nắm được chủ đề, ý chính, cũng như tạo dựng ngay hình ảnh về cách tổ chức ý của bài đọc.

Bước này giúp bạn có cái nhìn tổng quát nhất, giúp bạn tiết kiệm được thời gian đọc và trả lời câu hỏi.

\* **Bước 2:** Đọc câu hỏi và xác định chiến thuật đọc phù hợp

Sau khi đã nắm được ý chính của bài đọc hiểu, bắt đầu đọc câu hỏi.

Tùy mỗi loại câu hỏi, ta cần có chiến thuật đọc phù hợp.

Thông thường bạn sẽ gặp 2 dạng câu hỏi trong bài thi đọc hiểu:

- Trắc nghiệm (Multiple Choice Question): mỗi câu hỏi sẽ có 4 câu trả lời và bạn phải lựa chọn một đáp án duy nhất;
- Trắc nghiệm Đúng Sai (True – False): Đề bài sẽ đưa ra một loạt những thông tin mà bạn phải xác định chúng đúng hay sai dựa trên thông tin từ bài đọc.

Để trả lời hai dạng câu hỏi này, bạn nên thực hiện bước sau:

- Đọc câu hỏi và gạch chân từ khóa. Từ khóa thường là Danh từ hoặc Cụm danh từ, tên riêng, số, thời gian.
- Tìm những từ khóa này trong bài đọc để định vị thông tin.
- Đọc câu có chứa thông tin cần tìm và những câu xung quanh.
- Gạch chân thông tin quan trọng làm cơ sở để trả lời câu hỏi và ghi chú nếu cần. Ví dụ bạn có thể ghi chú số thứ tự của câu hỏi mà thông tin này làm mạnh mẽ.
- Đọc lại câu hỏi và các lựa chọn trả lời để so sánh đối chiếu thông tin trong bài và câu hỏi.
- Sau khi đã trả lời xong hết các câu hỏi, kiểm tra lại các câu trả lời dựa vào những ghi chú phía trên.



**Lưu ý:** Với dạng câu hỏi Trắc nghiệm, các đáp án được đưa ra đều được đề cập đến trong bài, nhưng chỉ có một câu trả lời duy nhất. Những đáp án còn lại được gọi là thông tin gây nhiễu.

Câu hỏi Trắc nghiệm thường có 4 loại:

- Hỏi về ý chính của bài/ cấu trúc của bài;
- Hỏi về chi tiết trong bài;
- Hỏi về từ vựng;
- Hỏi về thái độ/ mục đích của tác giả.

Tương ứng với 4 loại câu hỏi trên, bạn có thể sử dụng 4 kỹ năng và chiến thuật đọc hiểu:

- Đọc tìm ý chính (skimming);
- Đọc tìm chi tiết (scanning);
- Đoán từ vựng trong ngữ cảnh (guessing meaning in context);
- Đọc hiểu ý ngầm (read between the lines).

**Lưu ý:** Với dạng câu hỏi Trắc nghiệm Đúng - Sai:

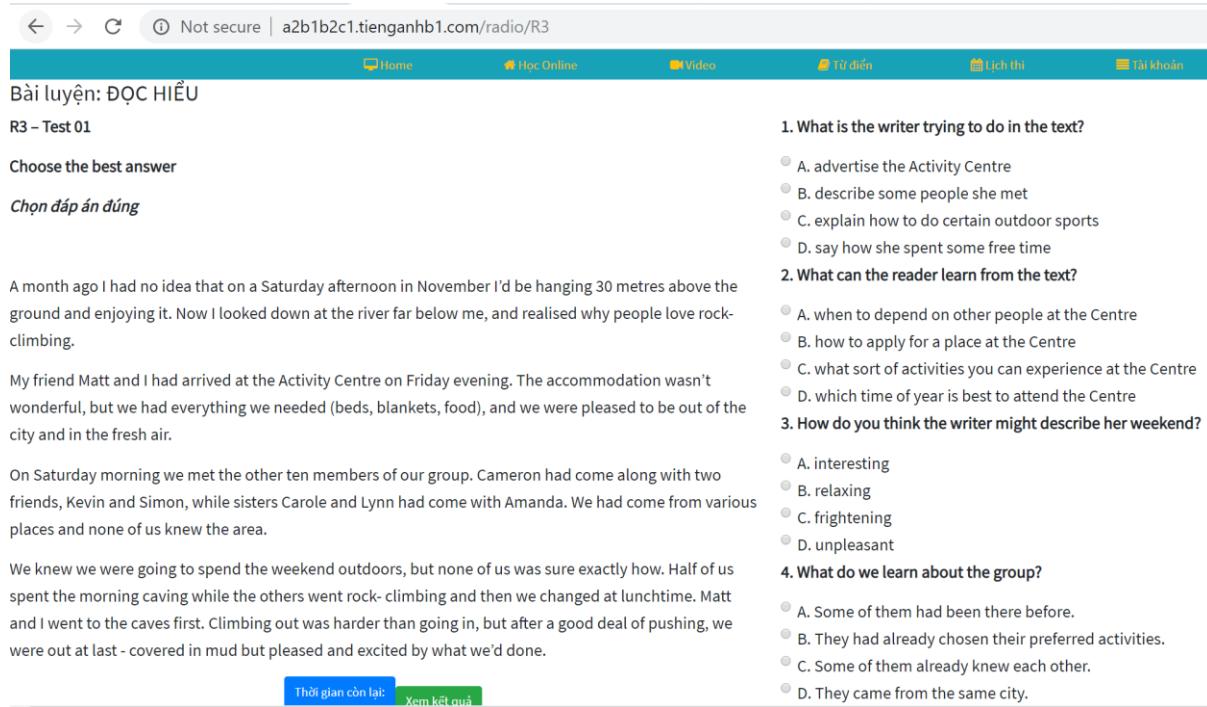
- Khi quyết định thông tin đó đúng hay sai phải hoàn toàn dựa trên cơ sở bài đọc, là ý kiến của tác giả, không phải là ý kiến và hiểu biết của bản thân.
- Chú ý một số những từ cực đoan (extreme words) như: all, always, every, ... vì những từ này khiến cho luận điểm được đưa ra mang tính khái quát hóa quá mức, do đó luận điểm đưa ra thường không đúng.

\* Hãy đoán nếu bạn không tìm được câu trả lời. Trả lời tất cả các câu. Đừng bao giờ bỏ trống trên giấy bài làm.

Bạn hãy đọc thật kỹ, nếu còn điều chưa hiểu về phương pháp làm bài hãy đặt câu hỏi nhanh tới chúng tôi tại FanPage  
<https://www.facebook.com/TiengAnhB12>

## Hướng dẫn ôn tập R3 trên website

Cũng như phần trên, các bạn sẽ ôn tập từng bài nhỏ và cuối phần có đánh giá điểm hiệu quả trong mỗi câu hỏi.



Bài luyện: ĐỌC HIỂU

R3 – Test 01

Choose the best answer

*Chọn đáp án đúng*

A month ago I had no idea that on a Saturday afternoon in November I'd be hanging 30 metres above the ground and enjoying it. Now I looked down at the river far below me, and realised why people love rock-climbing.

My friend Matt and I had arrived at the Activity Centre on Friday evening. The accommodation wasn't wonderful, but we had everything we needed (beds, blankets, food), and we were pleased to be out of the city and in the fresh air.

On Saturday morning we met the other ten members of our group. Cameron had come along with two friends, Kevin and Simon, while sisters Carole and Lynn had come with Amanda. We had come from various places and none of us knew the area.

We knew we were going to spend the weekend outdoors, but none of us was sure exactly how. Half of us spent the morning caving while the others went rock-climbing and then we changed at lunchtime. Matt and I went to the caves first. Climbing out was harder than going in, but after a good deal of pushing, we were out at last - covered in mud but pleased and excited by what we'd done.

1. What is the writer trying to do in the text?  
 A. advertise the Activity Centre  
 B. describe some people she met  
 C. explain how to do certain outdoor sports  
 D. say how she spent some free time

2. What can the reader learn from the text?  
 A. when to depend on other people at the Centre  
 B. how to apply for a place at the Centre  
 C. what sort of activities you can experience at the Centre  
 D. which time of year is best to attend the Centre

3. How do you think the writer might describe her weekend?  
 A. interesting  
 B. relaxing  
 C. frightening  
 D. unpleasant

4. What do we learn about the group?  
 A. Some of them had been there before.  
 B. They had already chosen their preferred activities.  
 C. Some of them already knew each other.  
 D. They came from the same city.

Link luyện Đọc hiểu tiếng Anh B1:

<http://a2b1b2c1.tienganhb1.com/radio/R3>

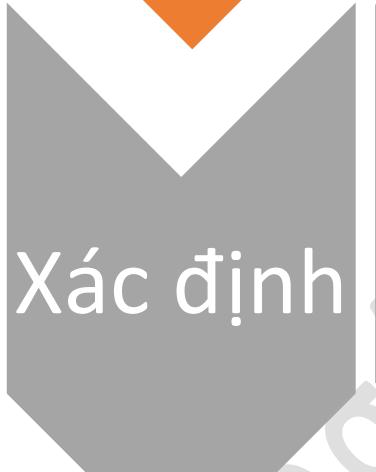
### Hướng dẫn làm bài thi Đọc phần 4: Điền từ

Cho một đoạn văn dài khoảng 150 từ có 10 chỗ trống và 15 từ cho sẵn. Học viên chọn từ cho sẵn điền vào chỗ trống.



Đọc

- Đọc toàn bộ bài text
- Tìm liên kết trong các câu trước hoặc sau trong đoạn văn
- Xem xét cấu trúc ngữ pháp



Xác định

- Xác định thể loại của 15 từ cho sẵn và nghĩa của chúng
- Xác định loại từ của các chỗ trống cần điền
- Sử dụng phương pháp loại suy để giảm bớt lựa chọn



Điền

- Điền từ dễ lựa chọn nhất trước
- Loại bỏ các từ đã điền
- Đánh số vào các từ đã điền để giúp dễ dàng đọc lại

### **Phương pháp làm bài:**

- Đọc toàn bộ bài text vì có thể có sự liên kết trong các câu trước hoặc sau trong đoạn văn; hoặc xem xét cấu trúc ngữ pháp để bạn cũng có thể dễ dàng lựa chọn được đáp án đúng nhất.
- Xác định thể loại của 15 từ cho sẵn và nghĩa của chúng (nếu không biết nghĩa của chúng thì cũng không nên lo lắng quá mà để nguyên nghĩa bằng tiếng Anh)
- Xác định loại từ của các chỗ trống cần điền sau đó tìm loại từ đó trong số các từ cho sẵn (vì như thế bạn chỉ phải lựa chọn ít hơn 15 từ sẽ đơn giản hơn và sẽ đạt kết quả đúng cao hơn).
- Điền những chỗ trống dễ lựa chọn nhất, còn những chỗ trống khó thì điền sau.
- Đánh số vào những từ đã lựa chọn rồi để còn ít sự lựa chọn ở các đáp án khác.
- Câu nào khó quá thì để cuối cùng và làm theo phương pháp loại suy

### **Link luyện tập bài Đọc điền từ tiếng Anh B1**

<http://a2b1b2c1.tienganhb1.com/radio/R4>

The screenshot shows a web-based English reading comprehension activity. At the top, there's a navigation bar with icons for Home, Học Online, Video, Từ điển, Lịch thi, and Tài khoản. Below the navigation is a section titled "Bài luyện: ĐỌC ĐIỀN TỪ". It lists words for matching: of, share, mistake, cause, end, numbers, mix, afterwards, make, every, with, all, then, frightening, amounts. The next section is titled "CARTOON FILMS". A text passage discusses the evolution of cartoon films from the 1970s to modern times, mentioning the influence of computers and the creation of films for both children and adults. There are 10 numbered blanks for students to fill in. Below the text is a button labeled "Thời gian còn lại: 0 phút, 37 giây" (Time left: 0 minutes, 37 seconds) and a "Xem kết quả" (View results) button. At the bottom, there's a navigation bar with numbered buttons from 1 to 35, with the first few buttons highlighted in blue.

## ĐÁP ÁN R4 - Test 01

1. make

*To make sb V: khiến cho ai làm gì, không dùng to cause Sb To V*

2. of

*N of N (the use of new ideas... việc sử dụng ý tưởng mới...)*

3. all

*all + N số nhiều, of all ages: ở đủ mọi lứa tuổi*

4. end

*by the end of*

5. afterwards

6. share

*could + V, share: chia sẻ, cùng; mix: trộn lẫn, pha trộn*

7. every

*every + N số ít + V số ít*

8. frightening

*too adj to V: quá đến nỗi để làm gì*

9. mistake

*this + N số ít, to learn from this mistake: học hỏi từ lỗi sai*

10. amounts

*amounts of hoặc an amount of + N không đếm được*

*numbers of hoặc a number of + N đếm được số nhiều*

## Hướng dẫn làm bài thi Viết

### Yêu cầu của bài thi Viết B1

- Học viên có khả năng hoàn thành các nhiệm vụ viết tương đối phức tạp.
- Có thể truyền đạt có hiệu quả các thông tin quen thuộc trong một bộ cục chuẩn quen thuộc.
- Có thể viết các bức thư và bài viết dài một, hai đoạn.
- Có thể diễn mẫu khai xin việc với các nhận xét ngắn về kinh nghiệm, khả năng, ưu điểm; có thể làm báo cáo.
- Có thể viết lại các thông tin đơn giản, nghe được hoặc nhìn thấy; có thể ghi chép khi nghe các bài trình bày ngắn hoặc từ các tài liệu tham khảo.
- Có thể ghi chép thông tin từ bảng, biểu dưới dạng một đoạn văn mạch lạc.
- Có thể ghi lại lời nhắn điện thoại hàng ngày.
- Thể hiện khả năng kiểm soát viết tốt với các cấu trúc đơn giản song vẫn gặp khó khăn với một số cấu trúc phức tạp; một số câu/ cụm từ viết ra nghe chưa tự nhiên (ghép từ).

### Cấu trúc của bài thi Viết B1

- Phần 1: 5 câu hỏi (10 điểm). Cho sẵn 5 câu, viết lại các câu đó với những cách diễn đạt khác đã được gợi ý bằng 1-2 từ sao cho ý nghĩa các câu đó không thay đổi.
- Phần 2: (20 điểm). Viết một bài viết ngắn khoảng 100 -120 từ. Đây là dạng bài viết có nội dung liên quan đến đời sống hàng ngày, thường là viết dựa trên một tài liệu gợi ý cho sẵn. Một số dạng bài thường dùng: viết một lá đơn xin việc sau khi đọc một quảng cáo việc làm; viết một lá thư mòi hay thư phản nàn về một sản phẩm hoặc dịch vụ sau khi đã mua hàng hoặc dùng dịch vụ theo một quảng cáo; điền vào một mẫu tờ khai trong đó có 2 đoạn, mỗi đoạn dài khoảng 4 – 5 dòng; viết 2 – 3 lời nhắn qua email, mỗi lời nhắn dài khoảng 4 – 5 dòng; viết thư trả lời để cảm ơn, xin lỗi, giải thích một sự việc hay dặn dò, đưa lời khuyên cho ai đó; viết một câu chuyện đã có sẵn câu mở đầu và câu kết thúc...



### Lời khuyên chung dành cho bài thi Viết tiếng Anh B1

Hãy luyện tập viết tiếng Anh thường xuyên. Khi viết, lưu ý mục đích viết thư và viết thư cho ai.

Cố gắng sử dụng các từ mới và cấu trúc đã học. Tránh việc tra từ điển quá nhiều để tìm được từ ưng ý gây mất thời gian.

Thực hành diễn đạt một ý bằng nhiều cách khác nhau để làm cho bài viết thu hút hơn.

Hãy làm dàn ý trước khi viết. Luôn chú ý đến câu hỏi và đảm bảo trả lời tất cả các ý.

Cố gắng sử dụng đa dạng cấu trúc ngữ pháp và các thì.

Sau khi làm bài xong, hãy kiểm tra kỹ xem các câu đã rõ nghĩa chưa, có mắc lỗi gì không.

Kiểm tra lỗi chính tả và ngữ pháp

## Hướng dẫn làm bài thi Viết phần 1: Viết lại câu

*Viết lại 5 câu sao cho giữ nguyên ý nghĩa. TiengAnhB1.com tổng hợp những mẫu câu thường gặp nhất trong bài thi tiếng Anh B1 đi kèm ví dụ và đáp án.*

### **Phương pháp làm bài**

#### Xác định dạng

- Dùng một cấu trúc trong tiếng Anh
- Dùng dạng khác của từ (danh từ, động từ, tính từ, trạng từ)
- Chuyển từ chủ động sang bị động và ngược lại
- Chuyển từ trực tiếp sang gián tiếp và ngược lại
- Viết câu sử dụng câu điều kiện, mệnh đề quan hệ, mệnh đề chỉ mục đích, nhượng bộ, nguyên nhân, kết quả...

#### Viết

#### Chú ý

- Động từ của câu mới cùng thì với động từ của câu cho sẵn và phù hợp với chủ ngữ của câu mới
- Kiểm tra công thức

### Các trường hợp viết lại câu Tiếng Anh B1 thường ở các dạng sau:

- Dùng một cấu trúc trong tiếng Anh
- Dùng dạng khác của từ (danh từ, động từ, tính từ, trạng từ)
- Chuyển từ chủ động sang bị động và ngược lại
- Chuyển từ trực tiếp sang gián tiếp và ngược lại
- Viết câu sử dụng câu điều kiện, mệnh đề quan hệ, mệnh đề chỉ mục đích, nhượng bộ, nguyên nhân, kết quả...

Sau khi đã hoàn thành viết lại câu, học viên cần chú ý kiểm tra động từ ở câu được viết lại phải cùng với câu đã cho, phù hợp với chủ ngữ của câu mới (số ít hay số nhiều). TiengAnhB1.com đã tổng hợp và đưa ra các mẫu câu thường gặp nhất cho học viên có thể tự ôn luyện.

Một số từ viết tắt trong công thức:

S: Chủ ngữ

V: Động từ

N: Danh từ

Adj: Tính từ

Adv: Trạng từ

Noun phrase: Cụm danh từ

## Hướng dẫn ôn luyện bài viết lại câu tiếng Anh trên Website

Hãy tìm các bài tập viết lại câu tiếng Anh B1 có đáp án trên trang web.

**Mẫu câu**

Viết theo cấu trúc TOO...TO ENOUGH TO

Viết theo cấu trúc TOO...TO = SO...THAT

Viết theo cấu trúc SO....THAT = SUCH ... THAT

STARTED + V-ING/ TO V = HAVE + BEEN + V-ING

USED TO

ADJ - ADV

ALTHOUGH = DESPITE/IN SPITE

**Công thức**

Viết theo cấu trúc TOO...TO ENOUGH TO

S + BE + TOO + ADJ + (FOR SB) + TO INFINITIVE VERB ADV

S + BE + ADJ + ENOUGH + (FOR SB) + TO INFINITIVE VERB ADV

**Ví dụ:**

- John is too young to watch the film
  - John isn't old enough to watch the film.
- They drove too fast for us to keep pace with.
  - They didn't drive slowly enough for us to keep pace with.

**Lưu ý:**

Kiểm tra thì của động từ khi viết sử dụng cấu trúc này, đặc biệt là động từ

Activate Windows  
Go to Settings to activate Windows  
[Tư vấn về B1 online](#)

Click chọn cấu trúc câu phía bên trái cần luyện tập.

Nghiên cứu cấu trúc viết lại câu, ví dụ và làm bài tập.

Conditional type 2 and 3

mixed conditional

Active voice to Passive voice

PASSIVE VOICE TO ACTIVE VOICE

GET/ HAVE SOMETHING DONE

Reported speech - Statements

Reported speech – Yes/No Questions

Reported speech – Wh-word Questions

Reported speech –

**Question 2**  
The child is too short to reach the ceiling.  
Nhập câu trả lời của bạn vào đây

**Click "Check" để xem đáp án**

**Question 3**  
This shirt is too large for me to wear.  
Nhập câu trả lời của bạn vào đây

**Check**

Activate Windows  
Go to Settings to activate Windows  
[Tư vấn về B1 online](#)

### Hướng dẫn làm bài thi Viết phần 2: Viết thư tiếng Anh B1

Viết một bức thư ngắn khoảng 100 -120 từ cho một người bạn nước ngoài trả lời thông tin về một bộ phim yêu thích của bạn, một chương trình tivi, âm nhạc, món ăn, nhà hàng yêu thích... hoặc đưa ra lời khuyên... Nội dung chính của phần viết thư tương đối giống với các chủ đề trong phần nói phần 2 (trình bày theo chủ đề bốc thăm). Vì vậy, học viên có thể tham khảo phần nói này để vạch ra một số ý cho bài viết.

#### Phương pháp làm bài

# Chuẩn bị

- Làm dàn ý
- Đọc kỹ đề bài, ghi ra các câu hỏi và vạch ra các câu trả lời dưới dạng các cụm từ.
- Xác định thì của động từ sẽ viết

# Viết

- Sử dụng đa dạng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp
- Sử dụng các từ nối phù hợp, lưu ý dấu chấm câu và phân chia đoạn phù hợp.

# Kiểm tra

- Bài viết cần đảm bảo cấu trúc của một bài viết thư.
- Bài thi B1 không cần viết địa chỉ của người viết, người nhận bên trong.
- Đảm bảo trả lời tất cả các ý được hỏi.
- Kiểm tra chính tả



## Signature (ký tên)

Chúng tôi đã cung cấp các mẫu đề thi thực tế và bài viết mẫu tương ứng.

**Lưu ý:** Bài viết mẫu là bài viết của thí sinh đạt khung điểm cao nhất (band 5) dành cho bài viết thư. Các bài viết này được đội ngũ chuyên môn chũa bài. Học viên tham khảo bài viết mẫu, lọc một số cấu trúc ngữ pháp, từ vựng để viết lại thành bài của mình.

Để xem đề thi [viết thư tiếng Anh B1](#) kèm bài viết thư mẫu tiếng Anh B1 và bài dịch, vui lòng truy cập vào đường link phía trước.

This is part of a letter you receive from an English friend.  
I know you often go to the cinema. Tell me about the last film you saw and whether you enjoyed it.  
Now write a letter to this penfriend in the space below.  
You should write about 100 words

Bạn hãy suy nghĩ và trả lời câu hỏi trên của chúng tôi trong vòng 3 phút trước khi xem phần hướng dẫn.

Xem hướng dẫn Tra từ điển

Hướng dẫn làm bài

- W2 - Test 01
- W2 - Test 02
- W2 - Test 03
- W2 - Test 04
- W2 - Test 05
- W2 - Test 06

## Đề bài viết thư trên trang web tienganhb1.com

Hi mate,

How's it going? I was very busy this week. But you know that I love films. I saw the film with the name 'Bent it like Beckham'. It's a very interesting film about football. The main story is about an Indian girl who wants to play football. Her parents don't let her play. But she's a very good football player. She's better than a boy who doesn't know how to play football. Finally, she goes to America for professional league. Santa Barbara. I'm not sure of the team name. Anyway, it's a happy ending for her and for her family.

I recommended the film to Mike and he loved it very much. So I do recommend to you the film 'Bend it like Beckham'.

If I were you, I'd go the cinema right now. Have a good weekend. See you soon.

Bye,

Ann

- W2 - Test 07
- W2 - Test 08
- W2 - Test 09
- W2 - Test 10
- W2 - Test 11
- W2 - Test 12
- W2 - Test 13
- W2 - Test 14
- W2 - Test 15

## Bài viết mẫu trên trang web tienganhb1.com



Chào bạn yêu,

Công việc của bạn thế nào rồi? Tuần này mình bận lắm. Nhưng bạn cũng biết là mình mê xem phim mà nhỉ. Mình đã xem một bộ phim có tên là “Bent it like Beckham”. Đó là bộ phim rất hay về bóng đá. Nội dung của câu chuyện về 1 cô gái người Ấn Độ muốn chơi đá bóng. Bố mẹ cô không cho cô chơi. Nhưng cô ấy chơi bóng rất giỏi. Cô chơi giỏi hơn những anh chàng không biết đá bóng. Cuối cùng, cô đến Mỹ để tham gia giải đấu chuyên nghiệp. Santa Barbara. Mình không nhớ rõ tên đội ấy. Dù sao thì đó cũng là cái kêt có hậu cho cô và gia đình.

Mình giới thiệu bộ phim ấy với Mike và anh ấy cũng mê luôn. Vì vậy mà mình giới thiệu với bạn bộ phim “Bent like Beckham”

Nếu mình là bạn, mình sẽ đến rạp chiếu phim ngay lập tức. Chúc bạn cuối tuần vui vẻ. Hẹn sớm gặp lại bạn.

Tạm biệt,

***Bài dịch của bài viết thư trên trang web tienganhb1.com***

W2 - Test 16

W2 - Test 17

W2 - Test 18

W2 - Test 19

W2 - Test 20

W2 - Test 21

W2 - Test 22

W2 - Test 23

## Hướng dẫn làm bài thi Nghe B1

### Yêu cầu của bài thi Nghe B1

- Học viên có thể nghe lấy ý chính và xác định được các từ ngữ mấu chốt và những chi tiết quan trọng trong ngôn ngữ nói có độ khó trung bình (các đoạn hội thoại trực diện, các băng hình băng tiếng, các chương trình phát thanh) trong các tình huống giao tiếp nghi lễ hoặc thông thường, về các chủ đề hàng ngày liên quan đến bản thân.
- Có thể hiểu khá nhiều từ ngữ thông thường và một số lượng rất hạn chế các thành ngữ.
- Có thể hiểu các diễn ngôn trong ngữ cảnh rõ ràng, về các kinh nghiệm và kiến thức chung.
- Có thể hiểu các tập hợp chỉ dẫn/ hướng dẫn ngắn, hiểu các câu hỏi trực tiếp về kinh nghiệm bản thân hoặc các chủ đề quen thuộc.
- Có thể đôi lúc yêu cầu người nói nhắc lại.
- Có thể nghe hiểu, đoán trước được các lời nhắn đơn giản trên điện thoại, nhưng vẫn gặp nhiều khó khăn

### Cấu trúc của bài thi Nghe B1

Thời gian: 35 phút; Điểm: 20 điểm/ 100 điểm

- a) Phần 1: 5 câu hỏi (10 điểm). Có thể lựa chọn nghe 5 đoạn hội thoại ngắn rồi đánh dấu vào 5 bức tranh/ hình ảnh đúng, mỗi hội thoại có 4 – 6 lần đổi vai; hoặc nghe một đoạn hội thoại dài để chọn 5 câu Đúng hoặc Sai với nội dung; hoặc nghe một đoạn độc thoại ngắn rồi đánh dấu vào 5 đồ vật/ sự việc.
- b) Phần 2: 10 câu hỏi (10 điểm). Nghe một đoạn hội thoại hay độc thoại. Điền vào 10 chi tiết bỏ trống trong bài. Chỗ trống thường là thông tin quan trọng.

*Yêu cầu chung: 1) Thí sinh có 5 phút để nghe hướng dẫn cách làm bài, sau đó được nghe mỗi bài 2 lần, vừa nghe vừa trả lời câu hỏi; 2) Thời gian mỗi phần nghe không quá 15 phút (kể cả thời gian làm bài); 3) phát ngôn rõ ràng, tốc độ từ chậm đến trung bình; 4) chủ đề cụ thể, bối cảnh giao tiếp quen thuộc, liên quan đến đời sống thường ngày; 5) lượng từ mới không quá 5% của trình độ B1.*

### Phương pháp làm bài thi Nghe hiểu

Dùng thời gian đã cho để đọc câu hỏi, xem tranh để biết chủ đề sẽ nghe.

Nếu không nghe rõ câu trả lời, đoán đáp án mà mình cho là đúng sau đó chuyển sang câu tiếp theo. Tránh loay hoay mãi ở câu hỏi trước mà bỏ lỡ không nghe được câu sau.

Ở lần nghe thứ 2, cố gắng nghe kiểm tra câu trả lời

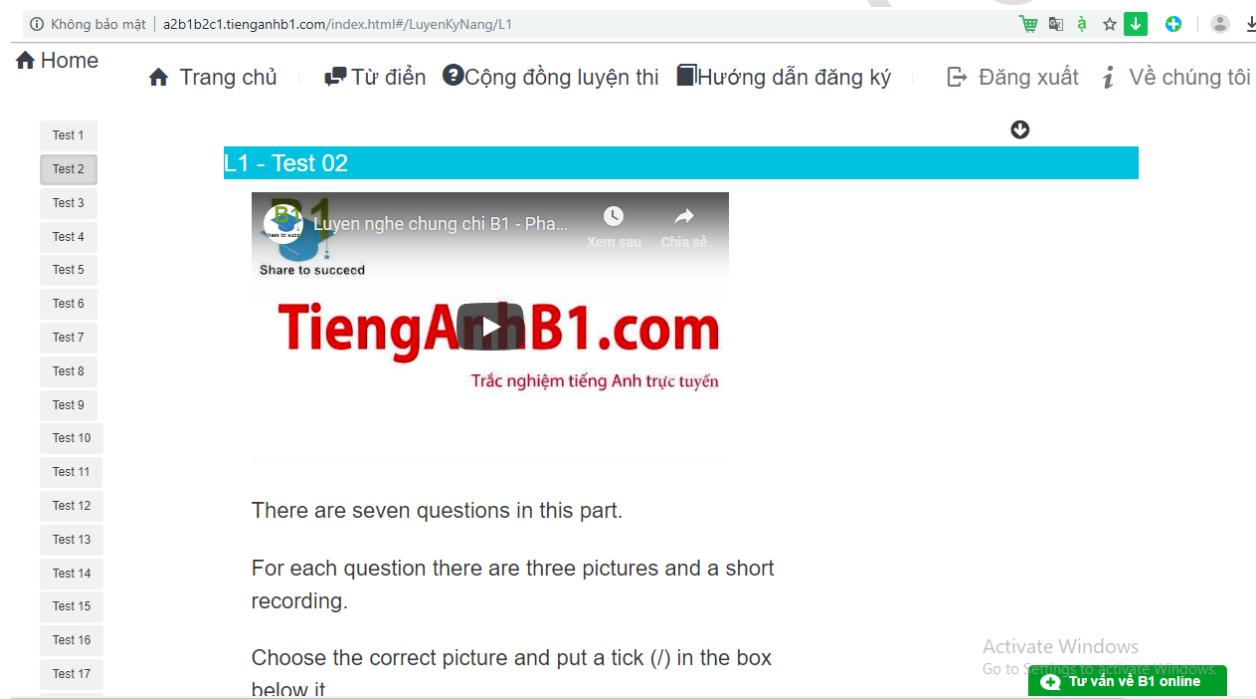
## Hướng dẫn làm bài thi Nghe phần 1: Nghe tranh hình ảnh đúng

*Nghe 5 bài hội thoại. Mỗi bài hội thoại tương ứng với một câu hỏi và 3 bức tranh. Nghe trả lời câu hỏi bằng cách chọn bức tranh đúng nhất.*

### **Phương pháp làm bài:**

- Đọc kỹ câu hỏi và gạch chân các từ khóa xem thông tin cần hỏi về cái gì
- Xem tranh và tìm các từ khóa của mỗi bức tranh đặc biệt là điểm khác biệt giữa chúng. Lưu ý, có thể cả 3 bức tranh đều được nhắc đến nhưng phải căn cứ theo câu hỏi, đặc biệt là động từ để chọn bức tranh đúng nhất. Thông thường, bức tranh được nhắc đến sau cùng trong bài nghe là bức tranh đúng.
- Nghe và so sánh với phỏng đoán lúc trước

### **Giao diện phần nghe tranh hình ảnh đúng trên trang web**



[a2b1b2c1.tienganhb1.com/radio/L1](http://a2b1b2c1.tienganhb1.com/radio/L1)

- A
- B
- C

2. Which chair does the man want?



A



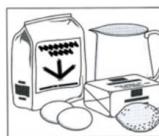
B



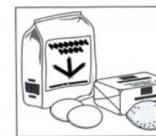
C

- A
- B
- C

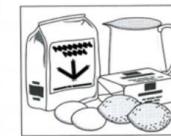
3. Which picture shows what the girls need?



A



B



C

Để luyện tập thêm các bài nghe Tranh hình ảnh, vui lòng truy cập link:

<http://a2b1b2c1.tienganhb1.com/radio/L1>

### Hướng dẫn làm bài thi Nghe phần 2: Nghe điền từ

Nghe một bài hội thoại hoặc độc thoại có 10 chỗ trống. Nghe điền từ vào chỗ trống.

Phương pháp làm bài:



Dùng thời gian trước khi nghe để đọc lượt xem nội dung về cái gì, chỗ trống cần điền là thông tin gì, loại từ gì.



Các chỗ trống cần điền thường mang thông tin, có thể điền một con số, ngày tháng, tên.



Các từ cần điền thường là danh từ, động từ, tính từ, trạng từ, liên từ.



Khi nghe, viết đáp án dưới dạng viết tắt mà bản thân hiểu được. Tránh viết từ đầy đủ sẽ bị lỡ phần nghe sau.



Kiểm tra chính tả chỗ cần điền. Lưu ý, đối với động từ kiểm tra động từ chia ở thì nào, chia theo ngôi số ít hay nhiều. Danh từ cần điền là danh từ đếm được hay không đếm được, số ít hay số nhiều.

### Bước 1: Chọn bài test và bật bài nghe



Share to succeed

<http://tienganhb1.com/>

C ⓘ Không bảo mật | a2b1b2c1.tienganhb1.com/index.html#/LuyenKyNang/L2

m ⌂ Home Trang chủ Từ điển Cộng đồng luyện thi Hướng dẫn đăng ký Đăng xuất Về chúng tôi

Test 1 → Test 2 Test 3 Test 4 Test 5 Test 6 Test 7 Test 8 Test 9 Test 10 Test 11 Test 12 Test 13 Test 14 Test 15 Test 16 Test 17

L2 - Test 01

You will hear a radio programme in which young people from different parts of the country are interviewed. Listen to the passage and fill each of the blanks. You will hear the piece twice.

Luyện nghe chung chi B1 - Pha... Xem sau Chia sẻ Share to succeed

**TiengAnhB1.com**  
Luyện thi tiếng Anh B1 trực tuyến

Man: Hello and welcome to our series about young

Activate Windows  
Go to [TiengAnhB1.com](#) to activate Windows

## Bước 2: Gõ câu trả lời vào chỗ trống

L2 - Test 04  
L2 - Test 05  
L2 - Test 06  
L2 - Test 07  
L2 - Test 08  
L2 - Test 09  
L2 - Test 10  
L2 - Test 11  
L2 - Test 12  
L2 - Test 13  
L2 - Test 14  
L2 - Test 15  
L2 - Test 16  
L2 - Test 17  
L2 - Test 18  
L2 - Test 19  
L2 - Test 20  
L2 - Test 21  
Back Test 22

You will hear a young woman who has applied for an office job talking about her jobs abroad. Listen to the passage and fill each of the blanks. You will hear the piece twice.

Share to succeed

**TiengAnhB1.com**  
Luyện thi tiếng Anh B1 trực tuyến

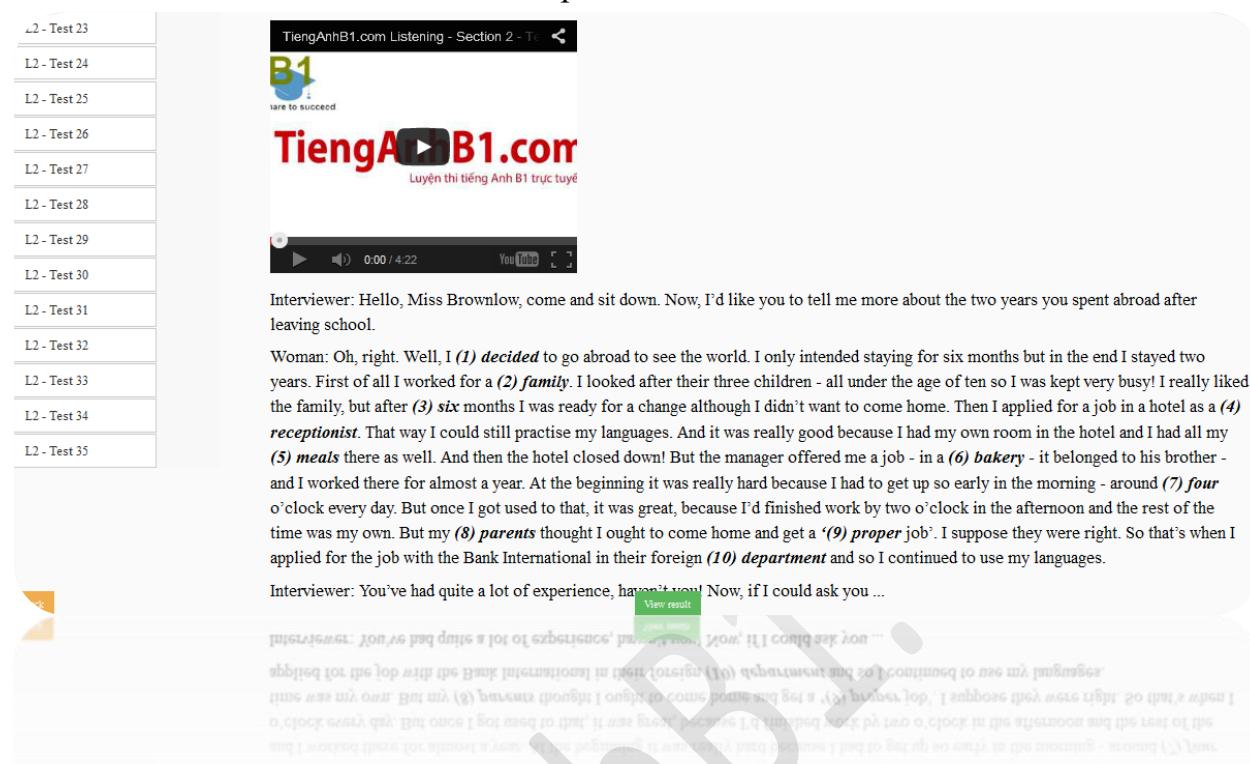
Interviewer: Hello, Miss Brownlow, come and sit down. Now, I'd like you to tell me more about the two years you spent abroad after leaving school.

Woman: Oh, right. Well, I (1) decided to go abroad to see the world. I only intended staying for six months but in the end I stayed two years. First of all I worked for a (2) family. I looked after their three children - all under the age of ten so I was kept very busy! I really liked the family, but after (3) months I was ready for a change although I didn't want to come home. Then I applied for a job in a hotel as a (4). That way I could still practise my languages. And it was really good because I had my own room in the hotel and I had all my (5) there as well. And then the hotel closed down! But the manager offered me a job - in a (6) - it belonged to his brother - and I worked there for almost a year. At the beginning it was really hard because I had to get up so early in the morning - around (7) o'clock every day. But once I got used to that, it was great, because I'd finished work by two o'clock in the afternoon and the rest of the time was my own. But my (8) thought I ought to come home and get a (9) job. I suppose they were right. So that's when I applied for the job with the Bank International in their foreign (10) and so I continued to use my languages.

Interviewer: You've had quite a lot of experience, haven't you! Now, if I could ask you ...

[View result](#)

### Bước 3: Click "View result" để xem đáp án



Interviewer: Hello, Miss Brownlow, come and sit down. Now, I'd like you to tell me more about the two years you spent abroad after leaving school.

Woman: Oh, right. Well, I (1) **decided** to go abroad to see the world. I only intended staying for six months but in the end I stayed two years. First of all I worked for a (2) **family**. I looked after their three children - all under the age of ten so I was kept very busy! I really liked the family, but after (3) **six** months I was ready for a change although I didn't want to come home. Then I applied for a job in a hotel as a (4) **receptionist**. That way I could still practise my languages. And it was really good because I had my own room in the hotel and I had all my (5) **meals** there as well. And then the hotel closed down! But the manager offered me a job - in a (6) **bakery** - it belonged to his brother - and I worked there for almost a year. At the beginning it was really hard because I had to get up so early in the morning - around (7) **four** o'clock every day. But once I got used to that, it was great, because I'd finished work by two o'clock in the afternoon and the rest of the time was my own. But my (8) **parents** thought I ought to come home and get a '(9) **proper** job'. I suppose they were right. So that's when I applied for the job with the Bank International in their foreign (10) **department** and so I continued to use my languages.

Interviewer: You've had quite a lot of experience, haven't you? Now, if I could ask you ...

**View result**

### Link vào phần Nghe điện tử vào chỗ trống:

<http://a2b1b2c1.tienganhb1.com/radio/L2>

### Hướng dẫn làm bài thi Nói B1

#### Yêu cầu của bài thi Nói B1

- Học viên có thể tham gia vào các cuộc trao đổi xã giao không chuẩn bị trước về những chủ đề quen thuộc mà bản thân quan tâm và công việc thường nhật một cách tự tin.
- Có thể cung cấp tương đối chi tiết thông tin, ý kiến, có thể miêu tả, báo cáo và kể lại một sự kiện/tình huống.
- Có thể sử dụng đa dạng các cấu trúc đơn giản và một số cấu trúc phức tạp nhưng đôi khi lược bỏ/giảm bớt một số thành phần như mạo từ, động từ thì quá khứ. Tuy nhiên vẫn mắc nhiều lỗi phát âm và ngữ pháp, đôi khi gây cản trở giao tiếp.
- Có thể sử dụng tập hợp những từ dùng hàng ngày, ngữ đoạn và thành ngữ quen thuộc.
- Có thể đạt mức lưu loát trong giao tiếp thông thường, nhưng vẫn còn nhiều chỗ ngập ngừng.
- Có thể trao đổi qua điện thoại những vấn đề quen thuộc, nhưng còn gặp nhiều khó khăn và lúng túng khi không có hình ảnh/phương tiện nghe nhìn hỗ trợ.

## Cấu trúc bài thi Nói B1

Bài thi nói gồm 3 phần, thời gian cho mỗi thí sinh từ 10 – 12 phút.

Điểm: 20 điểm/ 100 điểm

Thí sinh bốc thăm 1 trong số 14 chủ đề nói của trình độ B1 liên quan tới 4 lĩnh vực: cá nhân, công cộng, nghề nghiệp, giáo dục (xem cụ thể 14 chủ đề trong phần *Dẫn luận*). Thời gian chuẩn bị khoảng 5 – 7 phút (không tính vào thời gian thi)

a) Phần 1 (2 đến 3 phút): Giáo viên hỏi thí sinh một số câu về tiểu sử bản thân để đánh giá khả năng giao tiếp xã hội của thí sinh.

b) Phần 2 (5 phút): Thí sinh trình bày chủ đề đã bốc thăm. Phần trình bày phải có bố cục rõ ràng, giới thiệu nội dung, phát triển ý, kết luận, biết sử dụng phương tiện liên kết ý. Tránh liệt kê hàng loạt mà không phát triển kỹ từng ý.

c) Phần 3 (3 – 5 phút): Giáo viên và thí sinh hội thoại mở rộng thêm về những vấn đề có liên quan đến chủ đề vừa trình bày. Trong phần hội thoại, giáo viên đặt các câu hỏi phản bác hoặc thăm dò ý kiến, thí sinh phải trình bày được quan điểm và đưa ra lý lẽ để bảo vệ quan điểm của mình.

## Phương pháp làm bài thi Nói

10 lời khuyên chung dành cho bài thi nói B1

### 1. Hãy nghe kỹ câu hỏi

Trước hết, bạn hãy nghe kỹ câu hỏi, đặc biệt là các từ khóa để hiểu kỹ giám khảo hỏi gì, giám khảo đang hỏi về thông tin ở quá khứ, hiện tại hay tương lai.

### 2. Hãy luyện tập trước kỳ thi

Trước khi thi, hãy luyện tập từng phần thi để đảm bảo có kỹ năng nói phù hợp với mỗi phần thi.

### 3. Hãy nói tiếng Anh trước khi bắt đầu vào thi

Ngay sát giờ thi nói nên luyện tập nói tiếng Anh để quen với ngôn ngữ thay vì nói tiếng mẹ đẻ.

### 4. Phát triển câu trả lời một cách hợp lý

Luôn cố gắng mở rộng câu trả lời một cách hợp lý.

Ví dụ:

Question: "How many languages do you speak?"

Answer: "Two. Vietnamese and English."

→ Câu trả lời quá ngắn và chưa phát triển được ý.

Có thể cải thiện câu trả lời này như sau:

Answer: "I speak two languages. My first language is Vietnamese and I speak English, too."

I've been learning English since I was 10. I started learning it when I was in primary school."

Tuy nhiên, không phải lúc nào câu trả lời dài cũng là câu trả lời hay vì nhiều khi người nói không kiểm soát được và nói lạc đề.

### 5. Hãy nhìn giám khảo khi nói

Một số người Việt Nam thường hay nhìn lên trần nhà hoặc nhìn xuống bàn thay vì nhìn người đối thoại (giám khảo). Khi nói tiếng Anh, hãy nhìn người đối thoại để thể hiện bạn đang nói thật và quan sát cử chỉ, thái độ của người mình đang giao tiếp.

### 6. Không học thuộc lòng câu trả lời

Thí sinh thường có khuynh hướng học thuộc lòng câu trả lời trước khi kiểm tra. Tuy nhiên, giám khảo được đào tạo để nhận biết được việc bạn đang “trả bài”. Vì vậy, trong quá trình học, hãy liệt kê các ý và luyện nói theo các ý đó, tránh liệt kê hàng loạt hoặc viết thành câu hoàn chỉnh.

### 7. Hãy hỏi giám khảo khi không hiểu câu hỏi

Đây là bài thi nói tiếng Anh, không phải bài thi nghe. Vì vậy, nếu không hiểu câu hỏi, hãy nhờ giám khảo nhắc lại hoặc giải thích một cách lịch sự. Tránh trường hợp cố gắng trả lời lạc đề khi không hiểu gì.

Could you repeat that, please? (Thầy cô có thể nhắc lại câu hỏi được không ạ)

Could you explain that, please? (Thầy cô có thể giải thích câu hỏi được không ạ)

Excuse me, what do you mean by “environmental problem”? (Xin lỗi thầy, cô, “environmental problem”? có nghĩa là gì ạ?)

### 8. Tự tạo cho mình thời gian suy nghĩ trước khi trả lời

Ở phần 1 và phần 3 của bài nói, thí sinh phải trả lời câu hỏi luôn. Tuy nhiên, điều này không đồng nghĩa với việc bạn phải nói ngay lập tức. Bạn cần thời gian để suy nghĩ và trả lời câu hỏi. Một số cách tạo thời gian suy nghĩ như sau:

*Cách 1: Đưa ra nhận xét về câu hỏi*

Ví dụ: Why do people like travelling nowadays?

– It's an interesting question. (Đây là một câu hỏi thật thú vị)

*Cách 2: Nhắc lại câu hỏi*

Ví dụ: What do you like doing in your free time?

– What I like doing in my free time?/ About my hobby, I love....

(Việc em thích làm trong thời gian rảnh rỗi?/ Về sở thích của em, em thích...)

*Cách 3: Sử dụng một số từ như ý kiến hoặc từ khác để “câu giờ”.*

What do you think about traffic in Hanoi?

In my opinion (Theo ý kiến của em)

Personally I think (Cá nhân em nghĩ rằng)

To tell the truth/ to be honest (Nói thật với thầy, cô)

Các từ khác:

Well, Actually/ in fact, You know

### **9. Hãy tự sửa lỗi sai ngay khi bạn nhận ra**

Nếu phát hiện ra bạn vừa mắc lỗi sai nào đó, hãy tự sửa luôn. Điều này cho giám khảo thấy rằng bạn có khả năng hiểu điều mình đang nói. Tuy nhiên, nếu không chắc phải sửa như thế nào, hãy tiếp tục nói bởi lúc đầu có thể giám khảo không để ý lỗi đó, nhưng sau đó, nếu bạn sửa lỗi này thành lỗi khác thì sẽ càng tồi tệ hơn.

### **10. Hãy thư giãn và tự tin khi nói**

Hãy biến bài thi nói thành một bài hội thoại giữa hai người bạn. Điều này sẽ khiến bạn cảm thấy thoải mái hơn khi giao tiếp. Tuy nhiên, đừng thoải mái quá (tránh hỏi lại giám khảo), hãy tận dụng phần lớn thời gian để thể hiện mình vì mục đích cuối cùng là giám khảo muốn kiểm tra khả năng nói của bạn. Có gắng nói to để thể hiện sự tự tin khi nói.

## Hướng dẫn làm bài thi nói phần 1: Phỏng vấn

Thí sinh giới thiệu bản thân và giám khảo sẽ hỏi thí sinh một số câu hỏi liên quan đến chủ đề quen thuộc nhất như công việc, gia đình, sở thích, quê quán...

### Hướng dẫn:

- Nên xin phép được giới thiệu bản thân và chuẩn bị sẵn một bài giới thiệu bản thân bao gồm tên, tuổi, nghề nghiệp, sở thích, gia đình, quê quán.  
May I introduce myself? (Em xin phép được giới thiệu bản thân được không a)  
May I tell you something about myself ? (Em xin phép được nói một chút về bản thân được không a?)
- Thể hiện thái độ cởi mở, thân thiện khi nói.
- Phát triển ý khi nói. Tránh việc chỉ trả lời "Yes" hoặc "No".

Một số cách phát triển ý khi nói:

- ✓ Đưa ra ví dụ  
What kinds of music do you like?- I like all kinds of music, for example, POP, rock, country and so on.
- ✓ Giải thích lí do  
Do you like learning English?  
Yes, I do. I really like learning English because it helps me to get a better job. Moreover, I can watch movies in English or listen to English songs.
- ✓ Miêu tả...  
Where do you live?  
I live in Ninh Binh province. It's about 100km far from Hanoi. You know, it is very famous for Bai Dinh Pagoda, Phat Diem Cathedral/ Church and Tam Coc Bich Dong and so on.
- Sử dụng các từ nối phù hợp, tránh liệt kê ý hàng loạt

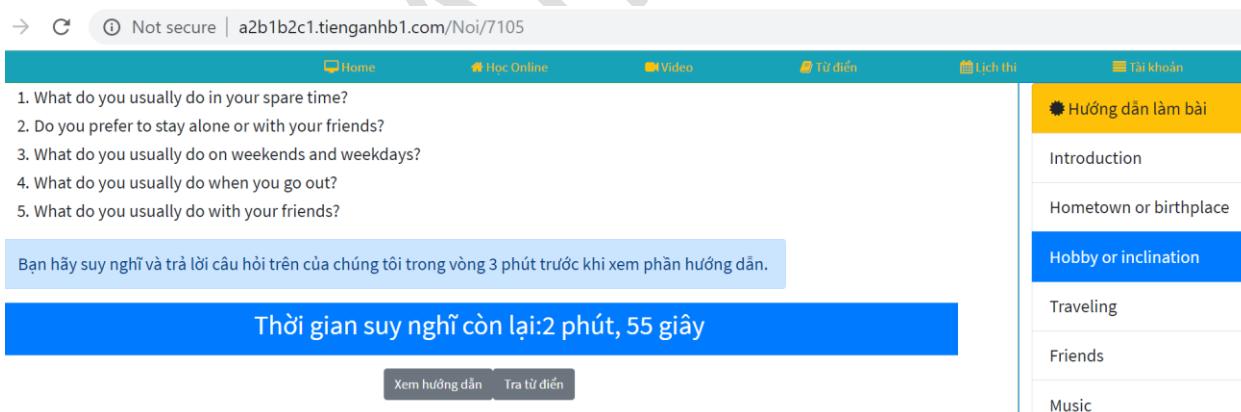
## Các chủ đề nói tiếng Anh trình độ B1 theo khung Châu Âu

1. Bản thân
2. Nhà cửa
3. Cuộc sống hàng ngày
4. Vui chơi, giải trí, thời gian rỗi
5. Đi lại, du lịch
6. Mối quan hệ với những người xung quanh
7. Sức khỏe và cuộc sống thân thể
8. Giáo dục
9. Mua bán
10. Thực phẩm, đồ uống
11. Các dịch vụ
12. Các địa điểm, địa danh
13. Ngôn ngữ
14. Thời tiết

Trích trong Thông tư 05/2012/TT-BGDDT

Xem các bài mẫu cho các chủ đề thi nói tiếng Anh B1 tại đây.

### Giao diện phần Bài thi Nói phần 1: Phỏng vấn



Not secure | a2b1b2c1.tienganhb1.com/Noi/7105

Home    Học Online    Video    Từ điển    Lịch thi    Tài khoản

1. What do you usually do in your spare time?  
 2. Do you prefer to stay alone or with your friends?  
 3. What do you usually do on weekends and weekdays?  
 4. What do you usually do when you go out?  
 5. What do you usually do with your friends?

Bạn hãy suy nghĩ và trả lời câu hỏi trên của chúng tôi trong vòng 3 phút trước khi xem phần hướng dẫn.

Thời gian suy nghĩ còn lại: 2 phút, 55 giây

Xem hướng dẫn    Tra từ điển

- Hướng dẫn làm bài**
  - Introduction
  - Hometown or birthplace
- Hobby or inclination**
  - Traveling
  - Friends
  - Music

→ C ⓘ Not secure | a2b1b2c1.tienganhb1.com/Noi/7105

Gợi ý trả lời

▶ 0:00 / 0:00 🔍 ⋮

#### HOBBY OR INCLINATION

1. What do you usually do in your spare time?

*Bạn thường làm gì vào thời gian rảnh rỗi?*

*In my free time, I like watching movies and going out with my family and friends.*

*Khi rảnh rỗi, tôi thường xem phim và đi chơi với gia đình hoặc bạn bè.*

2. Do you prefer to live alone or with your friends?

*Bạn thích sống một mình hơn hay sống cùng bạn bè hơn?*

*I don't like to live by myself because I feel lonely and especially I'm afraid of being ill while there's no one around me; so I prefer staying with my family and share with them everything in life.*

*Tôi không thích sống một mình bởi vì tôi cảm thấy cô đơn và đặc biệt là tôi sợ bị ốm khi mà không có ai bên cạnh. Vì vậy, tôi thích sống cùng với gia đình và chia sẻ với nhau mọi thứ trong cuộc sống.*

*Các chủ đề bám sát 14 chủ đề Nói tiếng Anh B1 của Bộ GD&ĐT đi kèm câu hỏi thường gặp thuộc chủ đề, gợi ý trả lời, audio câu trả lời mẫu và lời dịch.*

**Link xem thêm các chủ đề Nói có gợi ý trả lời và audio hướng dẫn:**

<http://a2b1b2c1.tienganhb1.com/Noi/7105>

#### Hướng dẫn làm bài thi nói phần 2: Trình bày chủ đề bốc thăm

Nói về một chủ đề bốc thăm trong vòng từ 2 đến 3 phút

**Phương pháp làm bài:**

- Đọc kỹ đề và dành thời gian vạch ra một số ý khi nói
- Chia bài nói thành 3 phần: Mở bài, thân bài, kết bài
  - Mở bài: Giới thiệu về chủ đề mình sẽ nói, sử dụng một số cấu trúc sau:
    - I'd like to talk about....
    - I'm going to talk about...
    - I've chosen to talk about...
    - I'll start by talking about
  - Thân bài: Thường trả lời 3 ý được hỏi. Chú ý sử dụng các từ nối để chuyển câu, nối ý.
  - Kết bài: Nêu cảm nhận



Share to succeed

<http://tienganhb1.com/>

→ ⌛ ⓘ Not secure | a2b1b2c1.tienganhb1.com/Noi/7131

Home

Học Online

Video

Từ điển

Lịch thi

Tài khoản

Describe a young child you know or know about.

You should say:

- What he or she looks like
- What he or she likes doing
- How that person has changed

And say what you think they might do in the future, and why.

Bạn hãy suy nghĩ và trả lời câu hỏi trên của chúng tôi trong vòng 3 phút trước khi xem phần hướng dẫn.

Thời gian suy nghĩ còn lại: 2 phút, 56 giây

Xem hướng dẫn

Tra từ điển

### Đề bài Nói phần trình bày chủ đề

→ ⓘ Not secure | a2b1b2c1.tienganhb1.com/Noi/7131

#### BÀI MẪU

##### DESCRIBE A YOUNG CHILD

▶ 0:00 / 0:00 ● ⏴ ⏵ ⏷

I'm going to talk about my little son. He is five years old. He looks tall and chubby. He has short dark hair and very bright eyes. He really enjoys going to the kindergarten where he meets a lot of new friends and plays with friends at the same age. He is very naughty and stubborn. He sometimes comes back home with some scratches on his face. At home, he likes playing with his toys such as Lego puzzle, robots, trains or planes ect. He is particularly interested in watching cartoons. He can spend hours watching cartoons on cartoon network. His favourite one is Tom and Jerry. At the weekend, my husband and I often take him to the zoo where there is fresh air and also great chance for my son to look at animals.

When he was little, we were very worried that he was underweight because he was very lazy eating. Luckily, he has a good appetite now and looks very chubby. We don't have to force him to eat any longer. So as a child, he has changed a lot. That's why we regularly go shopping for his clothes.

It is very difficult to say what he will do in the future. My son really likes doing puzzles, so we guess that he might do something related to natural science. An engineer or an architect perhaps.

### Bài nói mẫu tiếng Anh B1 phần 2

Tôi sẽ nói về con trai bé nhỏ của tôi. Con trai tôi được 5 tuổi. Bé cao và mümüz mềm. Tóc đen ngắn và mắt rất sáng. Bé rất thích đi nhà trẻ vì đến đó sẽ được gặp nhiều bạn bè mới và chơi với các bạn cùng lứa tuổi. Bé rất nghịch và bướng. Đổi lúc bé về nhà với một số vết xước trên mặt. Ở nhà, bé thích chơi đồ chơi Lego, rô bốt, tàu hỏa hoặc máy bay. Bé đặc biệt thích xem hoạt hình. Bé có thể dành hàng giờ xem phim hoạt hình trên kênh hoạt hình, đặc biệt là phim hoạt hình Tom và Jerry. Cuối tuần, vợ chồng tôi thường đưa bé đi sở thú chơi vì ở đó không khí trong lành và bé cũng có cơ hội xem các con thú.

Khi con trai tôi còn nhỏ, chúng tôi rất lo lắng bé sẽ thiếu cân vì bé rất lười ăn. May mắn là bây giờ bé ăn ngon miệng và trông rất mümüz mềm. Chúng tôi không phải ép bé ăn nữa. Bé vẫn còn nhỏ nên bé đã thay đổi nhiều lắm. Đó là lí do tại sao chúng tôi thường phải mua quần áo cho bé.

Rất khó nói con trai tôi sẽ làm gì trong tương lai. Con trai tôi rất thích chơi xếp hình, vì vậy chúng tôi đoán con thích làm gì đó liên quan đến khoa học tự nhiên. Có lẽ là một kỹ sư hoặc một kiến trúc sư.

### *Bản dịch bài Nói mẫu tiếng Anh B1 phần 2*

#### **Hướng dẫn làm bài thi nói phần 3: Thảo luận**

Giống như phần 1, phần này giám khảo hỏi thí sinh một số câu hỏi. Tuy nhiên, các câu hỏi phần này thường khó hơn, có liên quan đến chủ đề ở phần số 2 và đòi hỏi thông tin sâu hơn. TiengAnhB1.com đã gộp chung các câu hỏi phần 1 và phần 3 theo các chủ điểm trong phần 1: Phỏng vấn để học viên tiện ôn luyện.

## Phụ lục: Mẫu đề thi tiếng Anh B1 có đáp án định dạng sau đại học

### PAPER ONE: READING AND WRITING (90')

#### PART 1: READING

##### Section 1: Questions 1 – 10

Circle the letter next to the word or phrase which best completes each sentence (A, B, C or D).

**Example:** He ..... on business yesterday

- (A) went      B. goes      C. go      D. going

1. Tom doesn't like dancing, but Mike.....  
A. does      B. did      C. do      D. doesn't
2. Listen! Somebody.....for help.  
A. are screaming      B. scream      C. is screaming      D. has screamed
3. Waiter! There.....forks on this table.  
A. are not some      B. isn't any      C. are not any      D. are some
4. I have a test tomorrow, so I.....sit up late tonight to study.  
A. will have to      B. can have to      C. have      D. have to
5. An island on which.....is called a deserted island.  
A. no people      B. no peoples live      C. no people live      D. people are living
6. We wondered who.....to pay for the broken window.  
A. is going      B. was going      C. have      D. would
7. Linda.....tie her shoes when she was only 3 years old  
A. knew to      B. knew how to      C. could to      D. may
8. John said that no other car could go.....his car.  
A. so fast like      B. as fast as      C. fast than      D. as fastly as
9. A number of accidents in the last 2 years.....caused by drunk driving.  
A. were      B. have been      C. have      D. are
10. Perhaps people don't like ..... tourists in their country.  
A. so much      B. too much      C. so many      D. a lot

##### Section 2: Questions 11 – 15

Look at the text in each question. What does it say? Circle the letter next to the correct explanation (A, B or C).

11.

*Francesco! Problem –  
Maria's borrowed my history  
textbook and she's away.  
Could you lend me yours?  
Leave it with Ken when you  
see him. Thanks, Natalie*

12.

**THIS CAR PARK IS  
LOCKED AFTER  
BUSINESS HOURS  
EACH DAY**

13.

**PLAYERS WANTED**  
for Friday's basketball match  
against Barton College – can  
YOU help the team? Come to  
the gym at 3 p.m. today,  
whatever your level.

14.

**JAZZ ON A  
SUMMER EVENING**  
**NO TICKETS LEFT FOR  
SUNDAY'S PERFORMANCE**

15.

**To: Charlotte From: Giacomo**  
  
What time does your flight  
arrive tomorrow? Can't pick you  
up if it's earlier than midday as  
I'm holding a meeting at our  
office – sorry.

*Whose textbook does Natalie want  
to borrow?*

- A. Ken's
- B. Maria's
- C. Francesco's

*A. Users must lock the car park  
after leaving.*

- B. People can park here while  
they are at work.
- C. This car park is for employees  
only.

*A. The basketball team only  
wants to see experienced players.  
B. There aren't enough team  
members available on Friday.  
C. The Barton College team will  
visit the gym later today.*

*A. All Sunday evening tickets are  
already sold.*

- B. You must book tickets for  
Sunday in advance.
- C. A ticket is not necessary for  
Sunday evening.

*A. Giacomo will be able to see  
Charlotte early tomorrow  
morning.*

- B. Charlotte needs to arrive in  
time for Giacomo's meeting  
tomorrow.

C. Giacomo can collect Charlotte from the airport tomorrow afternoon.

### Section 3: Questions 16 – 20

*Read the text and questions below. For each question, circle the letter next to the correct answer (A, B, C or D).*

A month ago I had no idea that on a Saturday afternoon in November I'd be hanging 30 metres above the ground and enjoying it. Now I looked down at the river far below me, and realised why people love rock-climbing.

My friend Matt and I had arrived at the Activity Centre on Friday evening. The accommodation wasn't wonderful, but we had everything we needed (beds, blankets, food), and we were pleased to be out of the city and in the fresh air.

On Saturday morning we met the other ten members of our group. Cameron had come along with two friends, Kevin and Simon, while sisters Carole and Lynn had come with Amanda. We had come from various places and none of us knew the area.

We knew we were going to spend the weekend outdoors, but none of us was sure exactly how. Half of us spent the morning caving while the others went rock-climbing and then we changed at lunchtime. Matt and I went to the caves first. Climbing out was harder than going in, but after a good deal of pushing, we were out at last - covered in mud but pleased and excited by what we'd done.

16. What is the writer trying to do in the text?

- A. advertise the Activity Centre
- B. describe some people she met
- C. explain how to do certain outdoor sports
- D. say how she spent some free time

17. What can the reader learn from the text?

- A. when to depend on other people at the Centre
- B. how to apply for a place at the Centre
- C. what sort of activities you can experience at the Centre
- D. which time of year is best to attend the Centre

18. How do you think the writer might describe her weekend?

- A. interesting
- B. relaxing
- C. frightening

- D. unpleasant
19. What do we learn about the group?
- Some of them had been there before.
  - They had already chosen their preferred activities.
  - Some of them already knew each other.
  - They came from the same city.
20. Which of the following advertisements describes the Activity Centre?
- A. ACTIVITY CENTRE  
Set in beautiful countryside. Accommodation and meals provided. Make up your own timetable – choose from a variety of activities (horse-riding, fishing, hill-walking, sailing, and mountain-biking).
- B. ACTIVITY CENTRE Set in beautiful countryside. Accommodation provided.  
Work with a group - we show you a range of outdoor activities that you didn't realise you could do!
- C. ACTIVITY CENTRE  
Set in beautiful countryside. Enjoy the luxury of our accommodation - each room has its own bathroom. Work with a group, or have individual teaching.
- D. ACTIVITY CENTRE  
Set in beautiful countryside. You can spend the day doing outdoor activities and we will find your accommodation with a local family.

## Section 4: Questions 21 – 30

Read the text below and fill each of the blanks with **ONE** suitable word from the box.

of	end	make	then	share
numbers	every	frightening	mistake	mix
with	amounts	cause	afterwards	all

### CARTOON FILMS

Cartoon films have very little limits. If you can draw something, you can (21)....  
.....it move on the cinema screen. The use (22).....new ideas and advanced computer programs means that cartoons are becoming exciting again for people of (23).....ages.

By the (24).....of the 1970s, the cinema world had decided that cartoons were only for children. But soon (25).....one or two directors had some original new ideas. They proved that it was possible to make films in which both adults and children could (26).....the fun.

However, not (27).....cartoon film was successful. The Black Cauldron, for example, failed, mainly because it was too (28).....for children and too childish for adults. Directors learnt from this (29)....., and the film companies began to make large (30).....of money again.

## PART TWO: WRITING

### Section 1

Finish each of the following sentences in such a way that it means exactly the same as the sentence printed before it.

**Example:** I haven't enjoyed myself so much for years.

**Answer:** It's years.....since I enjoyed myself so much....

1. My father was given his first boat by his parents.

My father's parents.....

2. Although his leg was broken, he managed to get out of the car.

In spite of .....

3. Some people like working outdoors more than working inside.

Some people prefer.....

4. He has not been to this stadium before.

It is.....

5. John suggested taking a taxi to the hotel.

John said, "If I were....."

**Section 2**

- This is part of a letter you receive from an English friend.

I know you often go to the cinema. Tell me about the last film you saw and whether you enjoyed it.

- Now write a letter to this penfriend in the space below. You should write about 100 words

**PART TWO: LISTENING (Approximately 15 minutes)****Section 1: Questions 1 – 5**

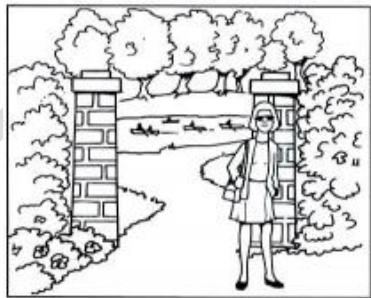
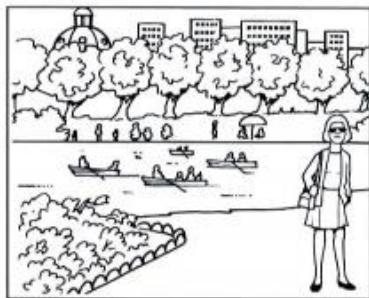
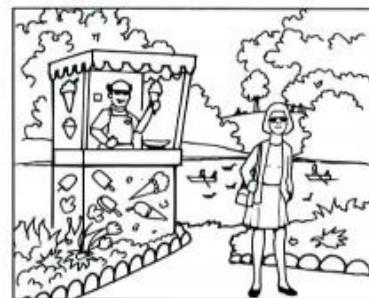
There are five questions in this part. For each question there are three pictures and a short recording. Choose the correct picture and put a tick (✓) in the box below it. You will hear the piece twice.

Example:

What's the time?

**A** **B** **C** 

1. Where will the girls meet?

**A** **B** **C**

2. Which chair does the man want?



**A**

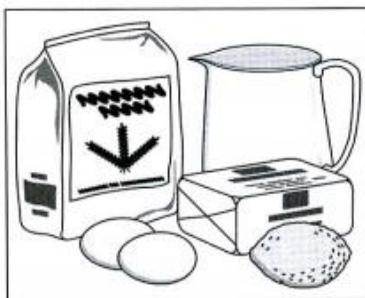


**B**

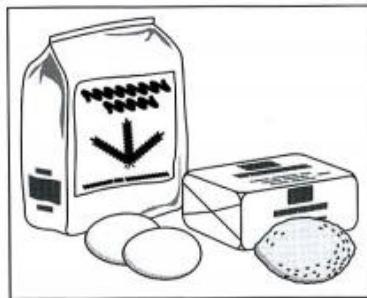


**C**

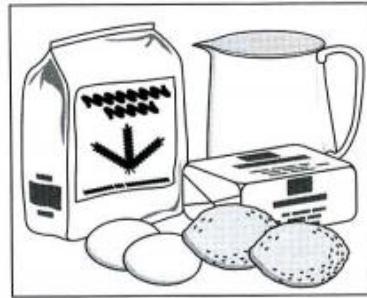
3. Which picture shows what the girls need?



**A**



**B**



**C**

4. Which picture shows what happened?



**A**



**B**



**C**

5. What is Sarah's mother doing?



**A**



**B**



**C**

## Section 2: Questions 6 - 15

**You will hear a radio programme in which young people from different parts of the country are interviewed. Fill each of the blanks with ONE suitable word. You will hear the piece twice.**

Man: Hello and welcome to our series about young people living in different parts of the country. Today you'll hear Mike Davis, who lives in Hereford, telling you something about his life.

Boy: Hello. I'm 13 years old and I go to Stanley School. I'm in Form 3, and I'm really interested in (6) .....but I find maths and especially English a bit hard. I'm good at (7) ..... and I've run for the school team in the 800 metres.

My dad sells farm machinery. We live in the country about four miles from school, so I get to school by (8) ..... My uncle has a farm and I spend most of my free time helping out there. He's got 50 cows and I like to help him with them. I help to do the (9) ..... every Saturday and sometimes I have to clean the cowshed. It's hard work, but it's good to see everything looking (10) ..... I painted it white last summer - I'm good at painting. My uncle's got a (11) ..... and he says I can drive it when I'm 15. I'm looking forward to that.

On Mondays I go to the Young Farmers' Group which I've (12) ..... to since I was 10. It's mostly fun but we also learn things, like how to look after (13) ..... properly. I definitely want to work in the (14) ..... when I leave school. I wouldn't like to live in a town or sit in an office all day. My father thinks I should work in his business, but I want to be like my uncle and have my own farm one day. My mother says I'll have to go to agricultural college first, so I'm going to work hard to (15) ..... all my exams.

Man: Thank you, Mike, ...

### PAPER THREE: SPEAKING (10 – 12 minutes)

#### PART I: INTERVIEW (2-3 minutes)

- May I have your full name, please?
- What do you hate the most about children?
- How many children would you like to have?
- When you were a child, what did you want to be when you grew up?

#### PART 2: LONG TURN (4-5 minutes)

Ask the candidate to talk about the topic he/she has chosen.

Describe a young child you know or know about.

You should say:

- What he or she looks like
- What he or she likes doing
- How that person has changed

And say what you think they might do in the future, and why.

#### PART 3: TWO-WAY DISCUSSION (3-4 minutes)

Select any of the following questions, as appropriate.

- Do you like children?
- Do you think children are spoilt nowadays?
- Are children becoming more dangerous and violent?
- What do you think children worry about most?

**ĐÁP ÁN MẪU ĐỀ THI TIẾNG ANH B1 TRÌNH ĐỘ SAU ĐẠI HỌC****PAPER ONE: READING AND WRITING (90')****PART ONE: READING****Section 1**

1A 2C 3C 4D 5C 6B 7B 8B 9B 10C

**Section 2**

11C 12B 13B 14A 15C

**Section 3**

16D 17C 18A 19C 20B

**Section 4**

21. make
22. of
23. all
24. end
25. afterwards
26. share
27. every
28. frightening
29. mistake
30. amounts

**PART TWO: WRITING****Section 1**

1. My father's parents gave my father his first boat.
2. In spite of his broken leg, he managed to get out of the car.
3. Some people prefer working outdoors to working inside.
4. It is the first time he has been to this stadium.
5. John said, "If I were you, I would take a taxi to the hotel"

**Section 2**

Bài mẫu:

Hi mate,

How's it going? I was very busy this week. But you know that I love films. I saw the film with the name 'Bent it like Beckham'. It's a very interesting film about football. The main story is about an Indian girl who wants to play football. Her parents don't let her play. But she's a very good football player. She's better than a boy who doesn't know how to play

football. Finally, she goes to America for professional league. Santa Barbara. I'm not sure of the team name. Anyway, it's a happy ending for her and for her family.

I recommended the film to Mike and he loved it very much. So I do recommend to you the film 'Bend it like Beckham'.

If I were you, I'd go the cinema right now. Have a good weekend. See you soon.

Bye,

Ann

---

Chào bạn yêu,

Công việc của bạn thế nào rồi? Tuần này mình bận lắm. Nhưng bạn cũng biết là mình mê xem phim mà nhỉ. Mình đã xem một bộ phim có tên là "Bent it like Beckham". Đó là bộ phim rất hay về bóng đá. Nội dung của câu chuyện về 1 cô gái người Ấn Độ muốn chơi đá bóng. Bố mẹ cô không cho cô chơi. Nhưng cô ấy chơi bóng rất giỏi. Cô chơi giỏi hơn những anh chàng không biết đá bóng. Cuối cùng, cô đến Mỹ để tham gia giải đấu chuyên nghiệp. Santa Barbara. Mình không nhớ rõ tên đội ấy. Dù sao thì đó cũng là cái kêt có hậu cho cô và gia đình.

Mình giới thiệu bộ phim ấy với Mike và anh ấy cũng mê luôn. Vì vậy mà mình giới thiệu với bạn bộ phim "Bent like Beckham""

Nếu mình là bạn, mình sẽ đến rạp chiếu phim ngay lập tức. Chúc bạn cuối tuần vui vẻ. Hẹn sớm gặp lại bạn.

Tạm biệt,

Ann

## PAPER TWO: LISTENING

### Section 1

1C 2 A 3 A 4 B 5 C

### Section 2

(6) science

(7) running

(8) bicycle

(9) milking

(10) clean.

(11) tractor

(12) belonged

(13) animals

(14) countryside

(15) pass